

Số: /2022/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày

tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Khoa học công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 402/TTr-SNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2021; báo cáo thẩm định số 2943/BC-STP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm CNTT và Truyền thông;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. HC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền

ĐỀ ÁN

**Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chính sách
hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030**

(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày / /2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ PHẠM VI ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết

Thời gian qua, triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thuận lợi đan xen, nhất là những diễn biến thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu gây ra, nền tảng hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất không đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nguồn lực đầu tư còn hạn chế, hệ thống cơ chế, chính sách để tạo động lực thu hút nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế tư nhân không thực hiện được (Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND và 50/2019/QĐ-UBND),... Song, nhờ sự nỗ lực vào cuộc của cả hệ thống chính trị (các cấp, các ngành, địa phương) đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác tuyên truyền, quán triệt, xây dựng, ban hành các kế hoạch, chương trình để triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo đảm bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và yêu cầu đã đề ra và quyết tâm đầu tư của các thành phần kinh tế nên đã đạt những kết quả ban đầu hết sức khả quan. Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển khá toàn diện cả về quy mô, năng suất, chất lượng; cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng; giá trị sản xuất, tỷ trọng nông nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ cao tăng lên; một số sản phẩm đặc thù của tỉnh từng bước khẳng định được lợi thế cạnh tranh, thương hiệu và thị trường; bước đầu hình thành một số cánh đồng lớn, vùng chuyên canh phục vụ công nghiệp chế biến và vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; việc đầu tư hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được quan tâm thực hiện; trình độ, nhận thức, năng lực sản xuất của người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp được nâng lên.

Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch sản xuất nông nghiệp công nghệ cao được đẩy mạnh. Việc nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao, nhân rộng, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất có bước phát triển đáng kể trên tất cả các lĩnh vực; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm được chú trọng; nhiều mô hình liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, nhà khoa học sản xuất theo hướng hàng hóa bước đầu được hình thành, phát huy hiệu quả. Công tác thu hút, hỗ trợ, khuyến khích các tổ

chức, cá nhân tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được đẩy mạnh đến nay đã thu hút được 18 dự án đầu tư sản xuất giống thủy sản, trồng trọt hiệu quả.

Chủ trương xây dựng Ninh Thuận thành Trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước được thực hiện, đạt mục tiêu đề ra; năng lực sản xuất tăng nhanh, quy mô sản xuất được mở rộng; sản lượng tôm giống tăng qua các năm và luôn vượt chỉ tiêu đề ra. Thương hiệu, chất lượng tôm giống Ninh Thuận được thị trường đánh giá cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, vẫn còn một số tồn tại như sau: Việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến nay chưa thật sự trở thành phong trào mạnh, chưa có sự tác động mạnh mẽ để góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; quy mô sản xuất còn nhỏ, lẻ, sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp chưa cao; chưa có nhiều sản phẩm mới, mang tính đặc thù, độc đáo; hàm lượng ứng dụng khoa học, công nghệ cao vào sản xuất chưa nhiều; cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích còn thiếu, chưa đủ mạnh, chưa thực sự thu hút các doanh nghiệp, người dân tham gia đầu tư; chưa có sự tham gia tích cực, có hiệu quả của các nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật trong phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Việc huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu; cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, phòng thí nghiệm còn hạn chế; kết cấu hạ tầng các vùng quy hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa được quan tâm đầu tư đồng bộ; công nghệ sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến chưa cao nên chất lượng sản phẩm còn thấp; việc liên kết giữa các cơ sở sản xuất với doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm chưa mạnh,...

Nguyên nhân hạn chế chủ yếu đó là: Xuất phát điểm về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh còn thấp; nguồn lực đầu tư còn hạn chế; cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp khu vực nông thôn chưa phù hợp, đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện được; các chính sách về đất đai, tín dụng; nguồn lực và năng lực tiếp cận các quy trình, công nghệ mới, giống mới còn hạn chế. Việc đầu tư kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa đồng bộ, còn dàn trải, chưa trọng tâm, trọng điểm. Công tác chỉ đạo, lãnh đạo, tổ chức thực hiện còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, sự quyết tâm chưa cao; việc phối hợp, liên kết, đặt hàng... của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học... liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh chưa hiệu quả, nhất là việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các giống mới, quy trình, giải pháp sản xuất và các tiến bộ của khoa học, kỹ thuật...

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án “đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công

nghe cao va chinh sach ho tro thu hut dau tur nong nghiep ung dung cong nghe cao tinh Ninh Thuan giai doan 2021-2030” la het suc can thiet de phat trien san xuat nong nghiep cua tinh theo huong hien dai, than thien voi moi truong va thich ung hieu qua voi bien doi khi hau; thuc day phat trien san xuat hang hoa co nang suat, chat luong, hieu qua va suc canh tranh cao, gan voi che bien va tieu thu theo chuoai gia tri va huong den xuat khau.

II. Mot so co so phap ly chu yeu de trieu khai thuc hien De an

- Quyét dinh so 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Quyét dinh so 34/2019/QĐ-TTg ngày 18/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyét dinh so 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyét dinh so 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

- Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, GAP, GMP, tiêu chuẩn quốc tế tương đương về hệ thống quản lý chất lượng.

- Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

III. Phạm vi Đề án

Đề án tập trung vào việc xác định mục tiêu, định hướng, những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2030.

Phần II

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TỈNH NINH THUẬN GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. Tiềm năng, lợi thế phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Vị trí địa lý

- Ninh Thuận thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, phía Bắc giáp tỉnh Khánh Hòa, phía Nam giáp tỉnh Bình Thuận, phía Tây giáp tỉnh Lâm Đồng và phía Đông giáp Biển Đông. Ninh Thuận nằm trên trục giao thông kết nối với Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và cả nước. Tỉnh có Quốc lộ 1A, Quốc lộ 27 và đường

sắt Thống Nhất chạy qua. Ngoài ra, Ninh Thuận còn nằm cách sân bay quốc tế Cam Ranh khoảng 60 km.

- Đây là những điều kiện vị trí địa lý thuận lợi trong giao lưu hàng hóa giữa các vùng trong cả nước, đặc biệt là việc giao lưu đầu vào và đầu ra trong sản xuất nông nghiệp với các tỉnh phía Nam, Tây nguyên và vùng Duyên hải Nam Trung bộ.

2. Địa hình

- Địa hình của tỉnh Ninh Thuận có 3 dạng chính là núi, đồi gò bán sơn địa và đồng bằng ven biển. Đồi núi chiếm hơn 63,2% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, chủ yếu là núi thấp, dốc từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam. Đây là vùng có điều kiện để xây dựng các hồ chứa thủy lợi quy mô nhỏ; phát triển du lịch sinh thái kết hợp nông nghiệp công nghệ cao.

- Đồi gò bán sơn địa chiếm 14,4%, có địa hình lượn sóng xen lẫn các đồi thấp. Đây là vùng có nhiều điều kiện để phát triển sản xuất nông lâm kết hợp.

- Đồng bằng ven biển chiếm 22,4%, có địa hình bằng phẳng, ven biển có các đồi cát, cồn cát. Đây là vùng có điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nuôi trồng thủy sản, và sản xuất muối.

3. Khí hậu

Ninh Thuận có điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình với đặc trưng là khô, nóng, gió nhiều, bốc hơi mạnh từ 670 - 1.827 mm. Nhiệt độ trung bình năm 27°C. Khí hậu chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 9 - tháng 11; mùa khô từ tháng 12 - tháng 8 năm sau. Lượng mưa trung bình năm 700 - 800 mm ở thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và tăng dần theo độ cao trên 1.100 mm ở vùng miền núi. Độ ẩm không khí từ 75 - 77%. Năng lực bức xạ lớn 160 Kcal/m². Tổng nhiệt lượng 9.500 - 10.000°C. Nhiệt độ nước biển trung bình 28 - 29°C; độ mặn trung bình 32,5 - 33 ppt.

Điều kiện khí hậu khô hạn nhìn chung gây khó khăn cho trồng trọt và chăn nuôi do thiếu nước tưới. Tuy nhiên khi được đầu tư hệ thống thủy lợi đảm bảo nguồn nước lại là điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Chính khí hậu nhiệt đới khô hạn đặc trưng đã tạo điều kiện thích hợp cho phát triển của một số sản phẩm nông nghiệp đặc thù như: nho, táo, tỏi, măng tây, nha đam, dưa lưới, bưởi, cây gia vị, bò, dê, cừu, tôm giống, giống cây lương thực (*lúa, ngô*), muối, nước mắm.

Điều kiện khí hậu khô nóng của tỉnh Ninh Thuận là lợi thế trong việc hướng đến sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) nhằm tạo sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm do giảm thiểu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật/thú y trong phòng trừ bệnh, tăng năng suất cây trồng/vật nuôi do khả năng tăng trưởng lớn và gia tăng sản lượng do rút ngắn thời gian sinh trưởng/nuôi dưỡng trong một chu kỳ.

4. Tiềm năng đất đai, mặt nước

Theo số liệu thống kê năm 2020, tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh là

335.534,17 ha, trong đó đất nông nghiệp có diện tích 290,884,88 ha chiếm 86,69%; đất phi nông nghiệp 35.653,84 ha chiếm 10,63%; đất chưa sử dụng 8.995,45 ha chiếm 2,2,68%.

Hệ thống sông suối nhiều và phân bố khá đều các vùng trong tỉnh, địa hình các lưu vực sông suối thuận tiện cho việc xây dựng các hồ chứa, đập dâng để mở rộng diện tích tưới cho sản xuất nông nghiệp. Tài nguyên nước Ninh Thuận không được phong phú nhưng hiện đang được đầu tư các hệ thống công trình thủy lợi lớn (*Sông cái, Tân Mỹ, Sông Than,...*) sẽ đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025 tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

Ninh Thuận có hơn 105 km bờ biển, kéo dài từ Bình Tiên - Cà Ná, vùng biển Ninh Thuận tiếp giáp với 02 dòng hải lưu, nằm trong vùng nước trời nên nguồn nước biển trong sạch, độ mặn cao, giàu dinh dưỡng và khoáng chất nên rất thuận lợi cho phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản, nhất là lĩnh vực sản xuất giống thủy sản.

5. Hạ tầng kinh tế - xã hội - liên kết sản xuất

- Thủy lợi: Với hệ thống 22 hồ chứa trong tỉnh có dung tích thiết kế 414,29 triệu m³, hồ Đơn Dương 165 triệu m³ và hệ thống đường ống, kênh cấp nước đến nội đồng, hiện nay đảm bảo chủ động tưới hơn 60% diện tích sản xuất.

- Giao thông: Hiện nay 65 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đều có đường ô tô đến cấp thôn và đi lại thuận tiện quanh năm, đảm bảo việc vận chuyển hàng hóa đầu vào và đầu ra trong sản xuất nông nghiệp đến tận thôn, xã.

- Điện: Đã đầu tư 379 trạm biến áp và 400 km đường điện trung, hạ thế trên địa bàn các xã, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Bưu chính, viễn thông: Được đầu tư xây dựng rộng khắp về các thôn, xã trên toàn tỉnh với 101 điểm phục vụ bưu chính, bán kính phục vụ là 3,27 km/01 điểm, bình quân 5.950 người/01 điểm phục vụ và phổ cập các dịch vụ bưu chính, viễn thông đến cả ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Hạ tầng internet cơ bản đáp ứng nhu cầu về sử dụng của người dân ở địa phương và chuyên đổi nông nghiệp số.

- Liên kết sản xuất: Thông qua chính sách phát triển liên kết sản xuất và các các chương trình, dự án có liên quan, tính đến nay toàn tỉnh đã hình thành được 60 liên kết từ cung ứng vật tư, giống đầu vào đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (*56 liên kết trồng trọt và 04 liên kết chăn nuôi*), một số liên kết còn gắn với Chương trình OCOP và đang tiếp tục phát triển.

II. Công tác quy hoạch; thu hút, phát triển nguồn lực; nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao, nhân rộng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp

1. Công tác quy hoạch; thu hút, phát triển nguồn lực; chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

a) Công tác quy hoạch:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày

28/01/2019 phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các vùng NNƯDCNC tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Thông qua quy hoạch đã xác định được 13 vùng quy hoạch sản xuất NNƯDCNC, với quy mô diện tích 4.306 ha. Đây là cơ sở để thu hút đầu tư phát triển trong thời gian đến.

Mặc dù theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 đã đề ra các mục tiêu và các dự án ưu tiên để đầu tư phát triển các vùng NNƯDCNC. Tuy nhiên tỉnh chưa bố trí được nguồn kinh phí để triển khai, hầu hết các vùng NNƯDCNC theo quy hoạch của tỉnh cho đến nay chưa được đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu, các dự án ưu tiên cũng chưa được triển khai thực hiện. Vì vậy cho đến nay, tỉnh chưa có vùng quy hoạch nào được công nhận là vùng NNƯDCNC đáp ứng đầy đủ theo tiêu chí.

b) Thu hút, phát triển nguồn lực:

Giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã bố trí nguồn lực đầu tư 51 dự án đầu tư kết cấu hạ tầng lĩnh vực nông nghiệp, với tổng kinh phí 2.935 tỷ đồng, trong đó có 03 dự án nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ với kinh phí 18,9 tỷ đồng; 48 dự án tích ứng biến đổi khí hậu với tổng kinh 2.916 tỷ đồng. Ngoài ra, tỉnh bố trí 85,8 tỷ đồng hỗ trợ triển khai thực hiện các mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ; 4,5 tỷ đồng từ chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai hỗ trợ phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên trong thời gian qua hầu như chưa huy động được nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với các vùng NNƯDCNC.

- Về thu hút đầu tư từ nguồn vốn ngân sách: (1) Dự án đầu tư hệ thống thủy lợi vùng sản xuất rau an toàn An Hải, tổng kinh phí gần 60 tỷ đồng; (2) Dự án Xây dựng Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tăng trưởng xanh của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, tổng kinh phí đầu tư 38 tỷ đồng, từ Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh.

- Về thu hút đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Đến năm 2020, toàn tỉnh có khoảng 15 dự án NNƯDCNC đã và đang triển khai thực hiện, với tổng kinh phí đầu tư khoảng 1.000 tỷ đồng, trong đó chủ yếu đầu tư các hạng mục công trình phục vụ sản xuất trong phạm vi đất của dự án, hầu hết kinh phí đầu tư dự án do các doanh nghiệp, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 05 đơn vị KH&CN, trong đó có 02 đơn vị Trung ương gồm: Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ và Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm tại Ninh Thuận; 03 đơn vị của địa phương gồm: Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm Dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và Trung tâm Khuyến nông, là những đơn vị có khả năng nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Tuy nhiên, ngoại trừ Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ, các đơn vị còn lại đều hạn chế về nguồn lực (*nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật*). Riêng Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm tại Ninh Thuận là đơn vị mới được thành lập nên cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực đều tập trung ở thành phố Hồ Chí Minh, tại cơ sở Ninh Thuận chưa có đủ nhân lực và trang

thiết bị phục vụ nghiên cứu, ứng dụng. Bên cạnh đó, việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp của tỉnh thời gian qua còn có sự hỗ trợ, phối hợp của các đơn vị khoa học ngoài tỉnh như: Học Viện Nông nghiệp Việt Nam, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Viện KHKT Nông nghiệp miền Nam, Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ, Trường Đại Học Nguyễn Tất Thành....

Trong giai đoạn 2016-2020, do điều kiện tỉnh còn nhiều khó khăn cấp thiết cần giải quyết nên việc đầu tư phát triển nguồn lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ để phát triển NNƯDCNC tại các cơ quan, đơn vị KH&CN hầu như không đáng kể, chủ yếu là bổ sung, thay thế các thiết bị văn phòng. Chỉ riêng Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường, chất lượng của tỉnh là được ưu tiên đầu tư 01 dự án Tăng cường trang thiết bị đo lường kiểm nghiệm và phân tích kiểm nghiệm (*cho cả 02 đơn vị*), với tổng kinh phí 10,313 tỷ đồng/4 năm (2016-2019).

Để thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao, tỉnh đã và đang hỗ trợ ương tạo cho 03 doanh nghiệp có tiềm năng phát triển thành doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*Công ty Cổ phần giống cây trồng Nha Hồ; Công ty TNHH Linh Đan Ninh Thuận; Công ty Cổ phần Năng và Gió*) để làm hạt nhân liên kết để thu hút đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tiêu thụ sản phẩm.

c) Chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ:

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020 nhằm xây dựng được kết nối 04 nhà theo chuỗi sản xuất, đã triển khai hỗ trợ 180 doanh nghiệp. Bên cạnh đó đã triển khai nhiều dự án KH&CN có sự liên kết chặt chẽ 4 nhà từ khâu xây dựng, quản lý dự án (*nhà nước*), chuyển giao công nghệ (*đơn vị KH&CN*), tiếp nhận tổ chức nhân rộng sản xuất trong dân (*doanh nghiệp và người dân*), thu mua, bảo quản chế biến, đến xuất khẩu (*doanh nghiệp*). Điển hình hình như: Đề tài “Nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trong xây dựng mô hình liên kết sản xuất nho rượu gắn với chế biến vang nho tại Ninh Thuận và Lâm Đồng”; Dự án “Ứng dụng công nghệ nuôi cấy Invitro nhân nhanh giống Nha đam sạch bệnh và xây dựng mô hình sản xuất chuyên canh cây Nha đam phục vụ phát triển vùng nguyên liệu tại tỉnh Ninh Thuận”.

Thông qua Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt “Chương trình Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao, nhân rộng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020”. Chương trình đã triển khai được 27 đề tài, dự án KH&CN (*08 dự án cấp Quốc gia, 19 cấp tỉnh*). Thông qua các đề tài, dự án triển khai trong thời gian qua đã góp phần thúc đẩy việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất, đặc biệt ứng dụng công nghệ cao ở một số lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

2. Công tác Khuyến nông; chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; liên kết sản xuất, đổi

mới công nghệ

a) *Công tác Khuyến nông*: Đã lồng ghép các nguồn lực hỗ trợ của Trung ương, các nguồn vốn từ các chương trình, dự án... để triển khai nhân rộng nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả thông qua các chính sách hỗ trợ như: Mô hình ứng dụng bao lưới chống ruồi vàng trên cây táo (265 ha); Mô hình bao trái trên cây nho bằng túi chuyên dụng (10 ha); Mô hình san phẳng đồng ruộng bằng thiết bị laser (73 ha); Nhân rộng mô hình tưới nước tiết kiệm trên cây trồng (1.500 ha); Mô hình trồng Táo theo tiêu chuẩn VietGAP (62,5 ha); Mô hình thâm canh cây ăn quả (2.000 ha); Mô hình cải tạo chất lượng đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo; Mô hình nuôi bò lai hướng thịt (25% tổng đàn); Mô hình cải tạo dê, cừu bằng phương pháp hoán đổi đực giống; Mô hình sử dụng đèn LED thay thế nguồn sáng trong đánh bắt thủy hải sản; Nhân rộng mô hình máy dò ngang, Mô hình bảo quản sản phẩm trên tàu tàu cá (*áp dụng hầu hết trên tàu khai thác xa bờ*); Mô hình nuôi hải đặc sản vùng đầm Nại (50 ha).

Ngoài các mô hình Khuyến nông từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước, các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh cũng đã tham gia thử nghiệm và thực hiện thành công nhiều mô hình mới, góp phần phát triển nhân rộng như: Mô hình trồng nho kết hợp với du lịch sinh thái của Hợp tác xã nông nghiệp Thái An; Mô hình hợp tác (*nuôi gia công*) giữa các trang trại chăn nuôi heo với công ty CP, công ty CJ được thực hiện tại các huyện Bắc Ái, Ninh Sơn, Ninh Phước và Thuận Bắc; Mô hình chăn nuôi theo chuỗi giá trị liên kết nuôi dê, cừu thịt; Mô hình Trang trại Năng và Gió (*Sun&Wind Farm*); Mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng của Trang trại Sun and Wind; Trang trại Phúc Farm tại xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn; Trang trại Ông Hạnh ở xã Phước Tiến, huyện Bắc Ái...; Mô hình Điều hữu cơ của HTX Điều hữu cơ Truecoop; Mô hình trồng lan bằng phương pháp nuôi cấy mô tại huyện Ninh Sơn; Mô hình nuôi tôm siêu thâm canh 02 giai đoạn kết hợp cho ăn bằng máy tự động của nhóm G9; Mô hình Trang trại nông nghiệp hữu cơ Tiên Tiến.

b) *Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020*: Tập trung vào mục tiêu phát huy tính hiệu quả của sự liên kết 4 nhà để tạo thành chuỗi liên kết chặt chẽ giữa các khâu nghiên cứu, thực nghiệm, sản xuất, chế biến và bao tiêu các sản phẩm nông nghiệp. Các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp công nghệ cao là đối tượng ưu tiên hàng đầu của Chương trình. Qua 5 năm chương trình đã triển khai hỗ trợ 180 doanh nghiệp trên 4 nhóm lĩnh vực: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ hoạt động bảo hộ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ hoạt động phát triển thị trường công nghệ, tham gia Chợ công nghệ; hỗ trợ hoạt động đổi mới và áp dụng công nghệ quản trị doanh nghiệp thông qua áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, giải thưởng chất lượng Quốc gia; 20 doanh nghiệp, tổ chức được hỗ trợ triển khai tập trung lĩnh vực ứng dụng dây chuyền công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ 48 doanh nghiệp, tổ chức sản xuất các sản phẩm đặc thù của tỉnh và một số sản phẩm chủ lực như hạt điều, yến sào... thực hiện việc xây dựng bảo hộ nhãn hiệu,

hệ thống nhận diện và thương mại hóa sản phẩm; 40 doanh nghiệp, tổ chức được hỗ trợ áp dụng các hệ thống tiên tiến, phổ biến vào sản xuất hiện nay (*VietGap, GlobalGap, ISO, ISO/IEC 17025; HACCP, Organic..*).

Tổ chức các hoạt động hỗ trợ hàng chục đơn vị sản xuất, kinh doanh nông lâm, thủy sản của tỉnh tham gia các sự kiện như: Sự kiện kết nối cung cầu TechDemo; Chợ Công nghệ và thiết bị Techmart; Triển lãm Quốc tế chuyên ngành thiết bị và công nghệ nông - lâm - ngư nghiệp GROWTECH 2019, kết hợp với việc tham gia vào cơ sở dữ liệu, chia sẻ, khai thác thông tin công nghệ trên các sàn giao dịch của thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Cổng giao dịch cung cầu công nghệ của Cục phát triển thị trường doanh nghiệp KH&CN; Hỗ trợ 36 doanh nghiệp, tổ chức trong tỉnh tiếp cận tham gia các hoạt động phát triển thị trường KH&CN tạo môi trường thuận lợi trong hoạt động tiếp cận và đổi mới công nghệ.

c) Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, nông dân để khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các chính sách để hỗ trợ phát triển sản xuất như: Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 02/02/2015 về chính sách nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020; Quyết định số 67/2015/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 quy định về chế độ hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức, cá nhân trong hoạt động Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017, Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 về Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 Ban hành quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Thông qua các Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn theo Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND, Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND đã đóng góp vai trò tích cực trong việc phát triển các mô hình sản xuất cánh đồng lớn, các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp - HTX - hộ nông dân trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; Chính sách hỗ trợ cũng đã tạo điều kiện thuận lợi để các HTX, hộ gia đình mạnh dạn đầu tư các mô hình tưới tiết kiệm nước, mô hình sản xuất an toàn VietGAP... theo hướng ứng dụng công nghệ cao.

Tuy nhiên, đối với Chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ; Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có doanh nghiệp nào trên địa bàn tỉnh tiếp cận được Chính sách hỗ trợ. Mặc dù Ủy ban nhân dân tỉnh đã bố trí vốn để thực hiện chính sách, nhưng trong quá trình triển khai thực hiện còn nhiều vướng mắc, các Bộ ngành Trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể về quy mô, mức hỗ trợ, nguồn

vốn hỗ trợ, trình tự thủ tục và quy định liên quan đến ban hành quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Thủy sản,...

III. Kết quả triển khai ứng dụng KHCN, công nghệ cao vào sản xuất; phát triển sản phẩm hàng hóa, xây dựng thương hiệu

1. Công tác chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi và giống thủy sản cho năng suất, chất lượng cao

a) *Lĩnh vực trồng trọt*, đã nghiên cứu chọn tạo thành công các đối tượng giống mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả phù hợp với điều kiện khí hậu tại địa phương và đang được nhân rộng sản xuất đại trà như: giống nho ăn tươi NH01-152 diện tích sản xuất trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 12 ha; giống bắp lai diện tích đưa vào sản xuất khoảng 200 ha; giống lúa chế biến 3988 diện tích đang sản xuất khoảng 500 ha¹.

b) *Lĩnh vực chăn nuôi*, đã phục tráng và nuôi chọn lọc heo đen, heo đen lai heo rừng, nâng cấp chuỗi giá trị heo đen cho 03 HTX Phước Đại, Phước Tiến và Suối Đá. Chọn các giống bò nhập ngoại (Brahman, Red-Angus, BBB) có chất lượng cao để lai tạo với bò vàng địa phương nhằm nâng cao tầm vóc, thể trạng và tỷ lệ thịt xẻ đạt cao².

c) *Lĩnh vực thủy sản*, việc ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất giống thủy sản đã đạt được kết quả tích cực trong việc sản xuất, gia hóa tôm bố mẹ, nghiên cứu thành công và đưa vào phục vụ sản xuất nhiều giống loài hải đặc sản có giá trị kinh tế³.

2. Ứng dụng trong phòng, trừ dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản

Sử dụng các chế phẩm men vi sinh trong bảo vệ môi trường chăn nuôi, ủ phân và cắt đứt nguồn bệnh khi thải ra môi trường; sử dụng các chế phẩm men trong ủ chua thức ăn cho gia súc từ thân cây mì, bắp. Ứng dụng kỹ thuật “Bao lưới chống ruồi vàng” trên cây táo; biện pháp sử dụng túi bao quả cho cây ăn trái. Công nghệ xử lý chất thải bằng hầm Biogas, công nghệ xử lý tuần hoàn tái sử dụng nước⁴.

¹ Viện Nghiên cứu bông và phát triển nông nghiệp Nha Hồ đã nghiên cứu chọn tạo, nhân giống thành công giống nho ăn tươi NH01-152; Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nha Hồ đã sản xuất, cung ứng được các loại giống bắp lai, lúa (*tháng 5/2017 giống lúa mới của Công ty là giống Chế biến 3988 chống chịu được sâu bệnh, thích ứng với điều kiện khô hạn tại Ninh Thuận và cho năng suất cao, đã công nhận và đang được Bộ Nông nghiệp và PTNT đưa vào danh mục các giống mới được sản xuất và kinh doanh tại Việt Nam*).

² thông qua chương trình cải tạo đàn bò (*nhập bò đực giống nhầy trực tiếp và nhập tinh để thụ tinh nhân tạo*) đã tạo ra được 1.114 con bò lai F1 (*đực giống và cái giống*), góp phần Sind hóa đàn bò địa phương đạt 50%. Đối với dê, cừu lai tạo được 2.257 con đã góp phần hạn chế tình trạng cận huyết, đồng huyết trong chăn nuôi dê, cừu. Kết quả trên đã nâng được giá trị gia tăng trong chăn nuôi bò, dê, cừu của tỉnh.

³ Tại vùng sản xuất tôm bố mẹ sạch bệnh Sơn Hải (*Thuận Nam*), 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH Moana, Công ty TNHH Việt Úc đang hoạt động nghiên cứu, sản xuất, gia hóa tôm sú và tôm chân trắng bố mẹ phục vụ sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao và an toàn sinh học. Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản đã đạt được những kết quả đáng kể trong việc sản xuất ra các đối tượng giống mới như hàu Thái Bình Dương, cá mú đen chấm nâu, cá mú Trần châu, giống cá chêm, giống cá bớp, cá chim vây vàng, giống cá chạch lấu, giống cá chình, giống cá rô phi dòng GIF, cá rô đầu vuông, giống ếch Thái Lan, giống cá Trê lai,...

⁴ các trang trại chăn nuôi heo tập trung gia công cho Công ty CP, CJ đều sử dụng công nghệ sinh học hầm Biogas xử lý chất thải chăn nuôi, công nghệ xử lý tuần hoàn tái sử dụng nước góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xử lý chất thải bằng hầm Biogas 217 hộ chăn nuôi lợn. Các hộ chăn nuôi gà có quy mô từ 500 con trở lên đều ứng dụng chế phẩm sinh học, sử dụng đệm lót sinh học trong quá trình chăn nuôi gia cầm, để khử mùi hôi, tăng sinh khối, tiết kiệm 10%

Sử dụng các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học trong việc phòng, chống sinh vật gây hại cây trồng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất. Biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) đang được triển khai rộng khắp trong những năm gần đây thực sự là một tiến bộ kỹ thuật đưa lại hiệu quả lớn, giảm dư lượng thuốc BVTV, giảm ô nhiễm môi trường, là biện pháp tích cực hướng đến một nền nông nghiệp sạch. Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất chế phẩm sinh học từ cây Neem: ly trích hoạt chất trong cành, lá, vỏ hạt cây để điều chế các chế phẩm phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng.

3. Ứng dụng quy trình công nghệ, công nghệ cao vào sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao

a) *Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm*: công nghệ tưới tiết kiệm nước đã được ứng dụng, chuyên gia, nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh với tổng diện tích hơn 1.500 ha, cho các loại cây trồng như: Mía, cây ăn quả (*Nho, Táo, Thanh Long, Xoài, Mãng cầu,...*), cỏ chăn nuôi, cây rau màu các loại (*rau ăn lá, ớt, hành, măng tây, dưa lưới...*). Ứng dụng Bentonite và phân bón lá nano (trên cây hành, ớt, măng tây, nho táo, ngô) tiết kiệm nước 22-25m³/ha/lần tưới, tăng khả năng trao đổi cation của đất trên 10%, tăng năng suất cây trồng từ 10-15%; ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước trên hầu hết các loại cây trồng của tỉnh, đã tiết kiệm khoảng 30% lượng nước tưới trong điều kiện khô hạn, giảm 20-30% chi phí nhân công,...Đặc biệt, mô hình sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp năng lượng cho hệ thống tưới tiết kiệm (*súng phun mưa*) trên cây mía.

b) *Ứng dụng công nghệ thâm canh, sản xuất an toàn theo VietGAP*: ứng dụng quy trình VietGAP đối với tôm nuôi trên cát và ứng dụng công nghệ Semi Biofloc (*quy trình nuôi tôm sinh học*) trong nuôi thương phẩm tôm sú, tôm thẻ chân trắng, hiện nay công nghệ nuôi tôm thương phẩm trên vùng cát hầu hết theo quy trình ứng dụng công nghệ sinh học, sử dụng máy cho tôm ăn tự động, lót bạt HDPE nền đáy chống rò rỉ nước⁵.

c) *Ứng dụng công nghệ nhà lưới, nhà màng*: công nghệ này hiện đang áp dụng trong các mô hình trồng lan, trồng dưa lưới, sản xuất rau thủy canh, vườn ươm giống măng tây xanh, trồng táo, trồng nho...

d) *Ứng dụng các công nghệ sản xuất nông nghiệp không dùng đất*: Công nghệ sản xuất các loại rau củ (*cải xanh, cà chua, dưa leo, dưa lưới...*) trên giá thể hữu cơ (*tận dụng phế phụ phẩm nông nghiệp làm giá thể*), năng suất tăng từ 6 - 36% so với trồng trên đất giảm thuốc BVTV, giảm ô nhiễm; công nghệ thủy canh trong nhà màng (*cải ngọt, cải bó xôi rau xà lách, rau muống, dưa leo, cà chua, rau ngò gai*) đã tăng năng suất từ 12 - 18% so với canh tác trên đất.

nguồn thức ăn trong đệm lót bỏ sung cho gia cầm, chống ô nhiễm môi trường và tăng thêm thu nhập đáng kể do bán chất độn chuồng sau thu hoạch mỗi lứa nuôi.

⁵ Mô hình trồng nho rượu theo hướng NNUDCNC của Công ty Ladora Farm đang triển khai tại xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn; mô hình trồng nho, táo theo tiêu chuẩn VietGAP đang được tiếp tục nhân rộng. Mô hình bao lưới trên giàn táo phòng trừ ruồi đục quả đang được nghiên cứu nhân rộng trên nhiều địa phương. Mô hình nhà lưới để ươm giống cây măng tây xanh đã được áp dụng tại An Hải, huyện Ninh Phước. Mô hình trồng măng tây xanh theo hướng VietGAP tập trung chủ yếu trên địa bàn huyện Ninh Phước và thành phố Phan Rang-Tháp Chàm. Tập đoàn CJ (*Hàn Quốc*) triển khai vùng trồng ớt nguyên liệu ứng dụng công nghệ cao, với quy mô dự kiến lên tới 500-600 ha tại huyện Ninh Sơn.

đ) Ứng dụng công nghệ sinh học, vi sinh: ứng dụng công nghệ vi sinh trong chế biến thức ăn và xử lý môi trường chăn nuôi, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn dịch bệnh. Một số trang trại áp dụng công nghệ nuôi heo khép kín, trong nhà lạnh, hạn chế tối đa dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sản phẩm heo đạt tiêu chuẩn xuất khẩu⁶.

e) Ứng dụng công nghệ máy móc, thiết bị cơ khí hóa, tự động hóa trong sản xuất: toàn tỉnh đã có 17.488 máy móc phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản, tăng 15% so với năm 2016. Việc áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất đã giúp giảm bớt chi phí sản xuất, giảm tổn thất sau thu hoạch, khắc phục tình trạng thiếu lao động chính vụ, rút ngắn thời gian làm đất, gieo cấy, thu hoạch⁷...; Thực hiện san phẳng mặt ruộng ứng dụng công nghệ điều khiển bằng tia laser trong mô hình sản xuất cánh đồng lớn. Hiện tại, nhiều ngư dân của tỉnh có tàu cá công suất lớn đã đầu tư lắp đặt hệ thống thiết bị dò ngang trên tàu để phục vụ dò tìm cá trong quá trình khai thác trên biển. Các cơ sở chế biến nông sản cũng đã đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại để sơ chế, bảo quản và chế biến các loại nông sản trên địa bàn tỉnh.

4. Ứng dụng trong bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp

Về công nghệ bảo quản, chế biến nông, thủy sản, một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã mạnh dạn đầu tư đổi mới đồng bộ hóa thiết bị, công nghệ tạo sản phẩm chất lượng cao⁸.

5. Kết quả phát triển các sản phẩm NNƯDCNC thành hàng hóa gắn với xây dựng vùng sản xuất tập trung, xây dựng thương hiệu

a) Lĩnh vực trồng trọt: Một số sản phẩm đã được các doanh nghiệp đầu tư sản xuất theo mô hình NNƯDCNC và phát triển thành sản phẩm hàng hóa, liên kết tiêu thụ theo chuỗi giá trị như: Dưa lưới, dưa lê, bí đậu, măng tây xanh, nho, táo, nha đam, hoa lan.

- *Sản phẩm dưa lưới, dưa lê, bí đậu:* qui mô sản xuất theo mô hình NNƯDCNC hiện có khoảng 63 ha, bao gồm: Công ty Segull - ADC 30 ha trồng bí đậu, dưa lê, dưa lưới tại xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam; Công ty FARA Farm trồng dưa lê, dưa lưới 20 ha tại xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam; Trang trại

⁶ Hiện tại, các trại nuôi heo quy mô lớn tập trung tại các huyện Ninh Phước, Ninh Sơn, Bác Ái. Mô hình sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi gà bước đầu mang lại kết quả tốt. Mô hình nuôi tôm thâm canh trên cát hầu hết sử dụng công nghệ vi sinh (Bioblos), các cơ sở sản xuất tôm giống trên địa bàn tỉnh ứng dụng công nghệ vi sinh vào quy trình sản xuất, tạo ra sản phẩm tôm giống chất lượng cao, sạch bệnh.

⁷ Mức độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp: Làm đất 90% (*cây lúa, bắp hành tỏi, rau màu*); gieo, cấy 10% (*lúa*); trồng mía bằng máy ở vùng tập trung đạt 25%; tưới tiêu 80% (*cây lúa, bắp hành tỏi, rau màu*); sử dụng các loại máy phun thuốc bảo vệ thực vật theo quy chuẩn kỹ thuật khoảng 75% (*cây lúa, bắp hành tỏi, rau màu*); thu hoạch 100% (*lúa*); vận chuyển 100%; xay xát 75%. Chế biến thức ăn gia súc 20%; máy thái cỏ 15%; chuồng trại cung cấp thức ăn, nước uống tự động, thu gom sản phẩm 20%; khai thác thủy sản 95%

⁸ Dây chuyền sản xuất đồng bộ Carageenan của Công ty Cổ phần Rau Câu Sơn Hải; dây chuyền sản xuất các sản phẩm từ cây Lô hội (*Nha Đam*) của Công ty Cổ Phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt; doanh nghiệp nho Ba Mọi, Thái Thuận ứng dụng hiệu quả công nghệ bảo quản nho, chế biến vang nho; Công ty TNHH Linh Đan Ninh Thuận đã thành công trong việc chế biến trà măng tây, ứng dụng công nghệ sinh học bảo quản măng tây tươi đến 20 ngày, hiện đang ứng dụng công nghệ sấy lạnh, công nghệ ly trích hoạt chất, sấy phun trong chế biến tạo nhiều sản phẩm giá trị cao như nước uống măng tây xanh, trà túi lọc măng tây, bột chứa các chất chống oxy hóa từ măng tây. Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ hiện đang làm chủ các công nghệ chế biến các sản phẩm thực phẩm từ rong sụn, sản xuất hoạt chất Azadirachtin limonoid, sản xuất phôi nấm các loại theo đơn đặt hàng trong và ngoài tỉnh.

Nắng và Gió tại xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn trồng dưa lưới 5 ha; Dự án Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tăng trưởng xanh tại xã Phước Tiến, huyện Bác Ái trồng dưa lưới 5 ha; cơ sở Phúc Farm Mỹ Sơn trồng dưa lưới 01 ha; Cơ sở Ông Hạnh tại xã Phước Tiến, huyện Bác Ái trồng dưa lưới 2 ha.

- *Sản phẩm măng tây xanh*: Quy mô sản xuất theo mô hình NNUĐCNC có khoảng 20 ha của Trang trại Nông nghiệp hữu cơ Tiên Tiến, thuộc xã An Hải, huyện Ninh Phước. Ngoài ra Công ty TNHH Linh Đan, Trang trại Nông nghiệp Hữu cơ Tiên Tiến, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nha Hồ liên kết cùng với các HTX Tuấn Tú, HTX Châu Rê, HTX An Xuân, mở rộng vùng trồng, tiêu thụ sản phẩm với quy mô diện tích khoảng 120 ha.

- *Sản phẩm nho, táo*: Vùng nguyên liệu Nho rượu sản xuất theo mô hình NNUĐCNC có khoảng 25 ha, tại xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn của Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận. Ngoài ra, mô hình liên kết theo chuỗi giá trị Nho, táo của Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất - Thương mại Ba Mọi, Công ty TNHH sản xuất và thương mại nông sản Thái Thuận liên kết với các HTX Xuân Hải, Hợp tác xã Evergreen, HTX Thái An cùng nhiều hộ gia đình tham gia, quy mô sản xuất gần 100 ha.

- *Liên kết theo chuỗi giá trị Nha đam*: Công ty cổ phần thực phẩm Cánh Đồng Việt; HTX Sơn Phát - xã Bắc Sơn liên kết thu mua - chế biến sản phẩm Nha đam với các hộ nông dân trên địa bàn phường Văn Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, quy mô 60 ha.

- *Trại trồng hoa lan* trong nhà lưới ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp tư nhân thực hiện tại xã Quảng Sơn, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn với diện tích 07 ha.

b) Lĩnh vực chăn nuôi:

Chăn nuôi heo nái sinh sản theo mô hình NNUĐCNC của Công ty TNHH trang trại Lộc Phát, tại xã Phước Tiến, huyện Bác Ái với quy mô 2.400 con heo nái và tại xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn với quy mô 4.800 con heo nái. Ngoài ra, chuỗi giá trị chăn nuôi heo liên kết với Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam và Công ty TNHH CJ ViNa Agri với 54 trang trại (*05 trại nái và 49 trại heo thịt*), với quy mô tổng đàn 63.150 con, chiếm 69,67% tổng đàn heo toàn tỉnh, bình quân mỗi trang trại nuôi 1.169 con heo và tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng từ các trang trại này chiếm khoảng 62,8% sản lượng thịt hơi của cả tỉnh. Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP đã mở và hoạt động 18 cửa hàng Thực phẩm sạch trên địa bàn tỉnh.

c) Lĩnh vực thủy sản:

Tôm thẻ chân trắng giống bố mẹ G3, của Công ty TNHH Việt Úc - Ninh Thuận; tôm sú bố mẹ sạch bệnh Sơn Hải của Công ty MOANA tại thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam (*mỗi năm sản xuất khoảng 10.000 cặp, doanh thu bình quân 2,5 triệu USD, phục vụ nội địa và xuất khẩu sang các nước Malaysia, Thái Lan,...*); cá tầm nước lạnh công nghệ cao nuôi tại Phước Bình, Bác Ái của Công ty TNHH Đà Lạt Caviar, quy mô 02 ha. Giống tôm sú, tôm thẻ

chân trắng chất lượng cao, được sản xuất theo mô hình ứng dụng CNC của Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, công ty TNHH Việt Úc-Ninh Thuận, Công ty Cổ phần đầu tư S6... hàng năm cung cấp cho thị trường cả nước hơn 10 tỷ tôm giống.

d) Phát triển thương hiệu - tiêu thụ sản phẩm:

Thông qua Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), năm 2020 đã xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình OCOP từ cấp tỉnh đến cấp xã; áp dụng đồng bộ các chính sách để thực hiện hiệu quả chương trình OCOP tỉnh Ninh Thuận. Kết quả về số lượng sản phẩm đạt chứng nhận sản phẩm OCOP năm 2020 là 69 sản phẩm, trong đó có 08 sản phẩm đạt tiềm năng 5 sao, 10 sản phẩm đạt 4 sao và 51 sản phẩm đạt 3 sao. Thông qua Chương trình OCOP bước đầu đã tạo sự lan tỏa mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông sản trên địa tỉnh, có tác động tích cực đến việc phát triển các mô hình sản xuất mới có hiệu quả, công tác ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản, mang lại hiệu quả cao trong sản xuất các sản phẩm nông nghiệp; công tác xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu nông sản được quan tâm; hình thành và phát triển liên kết hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Các Chủ thể tham gia OCOP tiếp cận được các chính sách hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, công thương, khoa học và công nghệ trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; được tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ trong và ngoài tỉnh để quảng bá và phát triển sản phẩm ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn; Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, vệ sinh an toàn thực phẩm được kiểm soát tốt hơn.

6. Đầu tư, phát triển năng lực ứng dụng, chuyển giao

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về việc phê duyệt Đề án kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Đến nay, về cơ bản Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ tiên phong, đi đầu trong công tác ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Trong giai đoạn 2016-2020, do điều kiện tỉnh còn nhiều khó khăn cấp thiết cần giải quyết nên việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ tại các cơ quan, đơn vị KH&CN hầu như không đáng kể, chủ yếu là bổ sung, thay thế các thiết bị văn phòng. Chỉ riêng Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường, chất lượng của tỉnh là được ưu tiên đầu tư 01 dự án Tăng cường trang thiết bị đo lường kiểm nghiệm và phân tích kiểm nghiệm (*cho cả 02 đơn vị*), với tổng kinh phí 10,313 tỷ đồng/4 năm (2016-2019).

7. Các Dự án đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Đến cuối năm 2020 toàn tỉnh đã có 15 dự án đầu tư, với qui mô diện tích khoảng 250 ha, trong đó đã có một số dự án đi vào hoạt động như:

- Dự án “Xây dựng Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tăng

trường xanh”, triển khai thực hiện tại xã Phước Tiến, huyện Bác Ái, quy mô 34,89 ha (*trồng bưởi da xanh, sầu riêng, chuối già Nam Mỹ, dưa lưới trong nhà màng,...*).

- Dự án Phát triển dược liệu, cây ăn quả chất lượng cao Nitatech tại xã Phước Tiến với diện tích khoảng 40 ha: Đã đầu tư hệ thống tưới, quan trắc môi trường, bón phân tự động qua Smartphone, đã trồng bưởi da xanh, chuối già Nam Mỹ và liên kết đầu tư mô hình nhà lưới trồng dưa lưới, trồng các loại nấm giá trị cao như nấm Hương/Shitake, nấm Linh chi,... trong nhà lưới để xuất khẩu; các khu nhà lưới sản xuất nông nghiệp công nghệ cao kết hợp điện mặt trời; khu sản xuất phân bón vi sinh.

- Dự án trồng Lan cây mô trong nhà lưới ứng dụng công nghệ cao tại xã Quảng Sơn, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn với diện tích 07 ha.

- Dự án phát triển vùng nguyên liệu Nho rượu theo hướng ứng dụng công nghệ cao kết hợp nông nghiệp hữu cơ vào sản xuất với diện tích khoảng 25 ha, tại xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn của Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận.

- Dự án Trang trại Sun and Wind của Công ty CP Thực phẩm Cánh Đồng Việt với diện tích 16 ha tại xã Mỹ Sơn. Trang trại trồng táo, nho và dưa lưới theo mô hình nông nghiệp công nghệ cao.

- Dự án Trang trại sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Doanh nghiệp Tiên Tiến tại xã An Hải, huyện Ninh Phước: Diện tích 20 ha, chuyên sản xuất các loại rau sạch như: Măng tây xanh, rau, củ quả các loại,... nuôi bò sinh sản và trùn quế để cung cấp phân hữu cơ cho trồng trọt theo một quy trình khép kín. Trang trại kết hợp đầu tư hệ thống điện mặt trời để cung cấp điện cho sản xuất của trang trại và dư điện bán lên lưới điện.

- Dự án Trang trại nông nghiệp hữu cơ Sơn Hải của Công ty TNHH Segull - ADC Ninh Thuận, quy mô 30 ha, tại xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam. Trang trại đầu tư nhà màng trồng dưa lưới, dưa lê, bí đậu, nhãn theo tiêu chuẩn hữu cơ.

- Dự án Trang trại sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng năng lượng Việt, qui mô 26 ha, tại xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn.

- Dự án trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản của Công ty TNHH trang trại Lộc Phát, tại xã Phước Tiến, huyện Bác Ái với quy mô 2.400 con heo nái và tại xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn quy mô 4.800 con heo nái.

- Dự án đầu tư gia hóa tôm thẻ chân trắng giống bố mẹ G3, tại thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam của Công ty TNHH Việt Úc - Ninh Thuận. Đây là dự án đã đưa Việt Nam nằm trong 04 Quốc gia đầu tiên trên thế giới công bố gia hóa thành công tôm thẻ chân trắng bố mẹ.

- Dự án sản xuất tôm sú bố mẹ sạch bệnh Sơn Hải của Công ty MOANA tại thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam (*mỗi năm sản xuất khoảng 10.000 cặp, doanh thu bình quân 2,5 triệu USD, phục vụ nội địa và xuất khẩu sang các nước Malaysia, Thái Lan, ...*).

- Dự án nuôi cá Tầm nước lạnh công nghệ cao tại Phước Bình, Bác Ái do Công ty TNHH Đà Lạt Caviar, quy mô 02 ha. Kết quả bước đầu rất khả quan, cho thấy chất lượng nguồn nước và điều kiện thời tiết tại Phước Bình, huyện Bác Ái phù hợp cho sinh trưởng và phát triển của cá Tầm, thời gian nuôi thương phẩm tại Phước Bình có thể rút ngắn hơn ít nhất 03 tháng so với nuôi tại Lâm Đồng.

- Có 03 dự án đã có Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh: Dự án sản xuất dưa lưới, dưa lê DannyGreen nông nghiệp công nghệ cao của Công ty Cổ phần Phát triển nông nghiệp Hải Âu với diện tích 22,29 ha tại xã Phước Tiến, huyện Bác Ái; Dự án sản xuất dưa lưới theo tiêu chuẩn VietGAP kết hợp trồng cây dược liệu của Công ty TNHH Dược liệu Phước Điền, với diện tích 24,98 ha tại xã Phước Tiến, huyện Bác Ái; Dự án Trang trại ứng dụng công nghệ cao Bác Ái của Công ty TNHH Đầu tư Bác Ái, quy mô 24 ha, tại xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn.

- Ngoài ra còn có các Trang trại trồng dưa lê, dưa lưới công nghệ cao: Công ty TNHH Fara Farm Nhị Hà, quy mô 5.000 m²; Trang trại Mỹ Sơn của cơ sở Phúc Farm, quy mô 5000 m²; HTX Phước Thắng (*Cơ sở Ông Hạnh*), quy mô 02 ha.

IV. Đánh giá chung

1. Những kết quả đạt được

Qua 05 năm, triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến nay sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có bước phát triển khá toàn diện, cả về quy mô, năng suất, sản lượng và chất lượng; cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng gia tăng giá trị; từng bước hình thành một số cánh đồng lớn, vùng chuyên canh phục vụ công nghiệp chế biến và vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; giá trị sản xuất chủ động nước, ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất tăng lên⁹; tỷ trọng sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao¹⁰ đến năm 2020 chiếm 39,6% (*mục tiêu 20-30%/năm*). Đặc biệt, giá trị sản xuất đối với các mô hình đáp ứng theo tiêu chí về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trung bình đạt 600 triệu đồng/ha¹¹, giá trị sản xuất ứng dụng công nghệ cao chiếm 1,3% so với tổng giá trị sản xuất toàn ngành.

Việc triển khai, nhân rộng các mô hình ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm được chú trọng; thu đầu tư nông nghiệp công nghệ cao đã đi vào hoạt động hiệu quả. Nhiều doanh nghiệp và người dân bước đầu mạnh dạn triển khai ứng dụng công nghệ cao vào một số khâu trong quy trình sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng

⁹ Giá trị sản xuất toàn ngành nông lâm thủy sản đến năm 2020 khoảng 11.600 tỷ đồng, tăng bình quân 6,9%/năm; Giá trị sản xuất trên 01 ha đất trồng trọt năm 2020 là 125,5 triệu đồng/ha, tăng 30,8 triệu đồng so với 2015. Giá trị sản xuất trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2020 ước đạt khoảng 600 triệu đồng/ha; tỷ trọng về giá trị sản xuất các lĩnh vực nông nghiệp có ứng dụng tiên bộ kỹ thuật theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm tỷ 39,6% giá trị sản xuất toàn ngành.

¹⁰ Sản xuất lúa 1 phải 5 giảm, ứng dụng tưới tiết kiệm nước trên cây trồng, sản xuất theo mô hình VietGap, ứng dụng vi sinh trong sản xuất tôm giống, nhà lưới, nhà màng, trồng cây trên giá thể, nuôi cây mô,...

¹¹ Mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng lợi nhuận đạt từ 1,0-1,5 tỷ đồng/ha/vụ; mô hình trồng nho đầu tư công nghệ cao, giống mới NH01-152 lợi nhuận đạt từ 1,0-1,5 tỷ đồng/ha/năm; mô hình trồng táo bao lưới, đầu tư công nghệ cao lợi nhuận đạt từ 500-600 triệu đồng/ha/năm; mô hình trồng măng tây xanh công nghệ cao lợi nhuận đạt từ 600-700 triệu đồng/ha/năm; mô hình trồng hoa lan lợi nhuận thu được khoảng 700-800 triệu đồng/ha/năm; mô hình nuôi heo ứng dụng công nghệ cao lợi nhuận đạt 1.5 tỷ đồng/ha/năm; mô hình nuôi gà ứng dụng công nghệ lợi nhuận đạt 650 triệu đồng/ha/năm; mô hình nuôi bò thịt ứng dụng công nghệ lợi nhuận đạt từ 600 triệu đồng/ha/năm; mô hình nuôi tôm chân trắng siêu thâm canh công nghệ cao lợi nhuận đạt từ 1,5-3 tỷ/ha/năm; mô hình nuôi ốc hương thương phẩm siêu thâm canh lợi nhuận đạt từ 1,5-3 tỷ đồng/ha/năm.

sản phẩm. Một số sản phẩm đặc thù của tỉnh đã từng bước khẳng định được thương hiệu, lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định, chất lượng đàn gia súc, gia cầm được nâng lên.

Đặc biệt, ngành thủy sản tăng trưởng khá, cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch tích cực theo hướng khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế gắn với sản xuất tập trung, quy mô lớn; sản xuất giống thủy sản tiếp tục phát huy lợi thế và tăng trưởng cao; hạ tầng nghề cá được quan tâm đầu tư tương đối đồng bộ, hiện đại. Chủ trương xây dựng Ninh Thuận trở thành trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước được quan tâm thực hiện, đạt mục tiêu đề ra; xây dựng thành công Thương hiệu “Tôm giống Ninh Thuận” được thị trường trong cả nước đánh giá cao cả về sản lượng và chất lượng; sản lượng tôm giống năm 2020 đạt 42,6 tỷ con vượt mục tiêu (36 tỷ con), tăng bình quân 17%/năm, gấp 2,2 lần năm 2015. Các dự án sản xuất tôm bố mẹ sạch bệnh công nghệ cao đang triển khai có hiệu quả¹².

Công nghiệp chế biến, cơ giới hóa, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường: Tổng giá trị sản xuất công nghiệp chế biến toàn tỉnh tăng bình quân hàng năm là 10,8% so với trước năm 2016¹³. Toàn tỉnh có 173 cơ sở sơ chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản với quy mô vừa và nhỏ; có 17.488 máy phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản, tăng 15% so với năm 2016; mức độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng lên đáng kể¹⁴, góp phần giảm chi phí sản xuất, giảm tổn thất sau thu hoạch, khắc phục tình trạng thiếu lao động chính vụ, rút ngắn thời gian làm đất, gieo cấy, thu hoạch, ... đảm bảo thời vụ, tăng năng suất, chất lượng nông sản, nâng cao hiệu quả kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Lĩnh vực bảo quản nông sản, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản từng bước được quan tâm thực hiện; hạ tầng nhà kho, bãi dự trữ, các loại máy móc, trang thiết bị chế biến, bảo quản, nâng cao chất lượng... các sản phẩm nông nghiệp được các tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư¹⁵.

Việc phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm được tập trung triển khai thực hiện, đạt kết quả tích cực; thường xuyên tổ chức và tích cực tham gia các hội thảo, hội nghị liên kết tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản với các tỉnh thành trong cả nước. Qua đó, các cơ sở sản xuất đã tìm được các đối tác để hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm. Ngoài ra, tỉnh còn tổ chức và hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở tham gia các Hội chợ, triển lãm, các lễ hội vang nho, lễ hội Katê và tổ chức các phiên chợ hàng Việt về nông thôn, tổ chức phiên chợ

¹² Công ty TNHH Việt Úc và Công ty Moana.

¹³ Giá trị sản xuất công nghiệp chế biến năm 2017 là 5.740 tỷ đồng; năm 2018: 6.446 tỷ đồng; năm 2019: 7.175 tỷ đồng.

¹⁴ Mức độ cơ giới hóa: làm đất 90% (cây lúa, bắp hành tỏi, rau màu); gieo, cấy 10% (lúa); trồng mía bằng máy ở vùng tập trung đạt 25%; tưới tiêu 80% (cây lúa, bắp hành tỏi, rau màu); sử dụng các loại máy phun thuốc bảo vệ thực vật theo quy chuẩn kỹ thuật khoảng 75% (cây lúa, bắp hành tỏi, rau màu); thu hoạch 100% (lúa); vận chuyển 100%; xay xát 75%. Chế biến thức ăn gia súc 20%; máy thái cỏ 15%; chuồng trại cung cấp thức ăn, nước uống tự động, thu gom sản phẩm 20%; khai thác thủy sản 95% (chủ yếu gồm các loại máy kiểm tra nhiệt độ nước, máy phun mưa, máy thu hoạch, máy dò định vị, máy móc cho cơ sở hạ tầng ao nuôi trồng thủy hải sản).

¹⁵ Hệ thống nhà kho dự trữ lúa gạo chống ẩm mốc, hệ thống kho lạnh để bảo quản các sản phẩm nông, thủy sản; máy sấy hạt giống, nho, táo, chuối, măng, cá, tôm, mực; hệ thống phân loại, đánh bóng, tách màu để nâng cao chất lượng hạt gạo; máy móc, trang thiết bị làm tỏi đen...

bình ổn giá cả,...

2. Những tồn tại, hạn chế

Việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thời gian qua chưa thật sự trở thành phong trào mạnh và tác động mạnh mẽ để góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; quy mô sản xuất còn nhỏ, lẻ, chưa có doanh nghiệp lớn đầu tư làm hạt nhân; các sản phẩm nông nghiệp chưa có sức cạnh tranh cao và chưa có nhiều sản phẩm mới, mang tính đặc thù, độc đáo; hàm lượng ứng dụng khoa học, công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp chưa nhiều. Năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất còn khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu; công tác ứng dụng, nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa, các quy trình, giải pháp, biện pháp sản xuất, bảo quản, chế biến trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế.

Việc huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn khá khăn, chưa đáp ứng yêu cầu; cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, phòng thí nghiệm còn hạn chế; cơ sở hạ tầng các vùng quy hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa được quan tâm đầu tư đồng bộ; công nghệ sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến chưa cao nên chất lượng sản phẩm còn thấp; việc liên kết giữa các cơ sở sản xuất với doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm chưa mạnh.

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa vào sản xuất và bảo quản, chế biến trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, quy mô nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế.

- Các vùng quy hoạch NNƯDCNC chưa được đầu tư hạ tầng đồng bộ; việc huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu. Công tác thu hút doanh nghiệp đầu tư vào NNƯDCNC còn khó khăn, số lượng doanh nghiệp tham gia đầu tư còn khiêm tốn.

- Công tác nghiên cứu, ứng dụng, nhân rộng các mô hình NNƯDCNC và các quy trình, giải pháp, biện pháp sản xuất nông nghiệp hiệu quả còn hạn chế. Tiềm lực và năng lực nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn của tỉnh còn khó khăn. Điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, thị trường tiêu thụ không thuận lợi; đất đai diện tích nhỏ lẻ, phân tán, nguồn vốn đầu tư chưa tương xứng,...

- Công nghệ trồng, thu hoạch, bảo quản và chế biến còn lạc hậu nên chất lượng sản phẩm còn thấp; chưa có đầu tư toàn diện cho phát triển sản xuất và chế biến tiêu thụ một số mặt hàng nông sản chủ lực của địa phương; việc liên kết giữa các cơ sở sản xuất với các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm chưa mạnh.

- Chương trình nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao, nhân rộng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp vẫn còn hạn chế so với quy mô, nhu cầu sản xuất của tỉnh. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm còn thiếu, lạc hậu, do vậy chưa hỗ trợ nhiều cho hoạt động KH&CN của tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp,

nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ; Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh còn nhiều vướng mắc, bất cập nên chưa thực hiện được.

- Chủ trương xây dựng Ninh Thuận thành Trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước còn nhiều khó khăn, hạn chế như: Tỉnh đã quy hoạch 03 vùng sản xuất giống thủy sản tập trung An Hải (*Ninh Phước*), Nhơn Hải (*Ninh Hải*) và Phước Dinh (*Thuận Nam-sản xuất giống bố mẹ*) với tổng diện tích 257 ha. Tuy nhiên, thiếu vốn đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu, còn tồn tại các vùng sản xuất nhỏ lẻ như Khánh Tường, Khánh Hội, Ninh Chử, Cà Ná. Công tác quản lý và thực hiện quy hoạch tại một số địa phương chưa thật sự tốt. Chưa chủ động nguồn tôm bố mẹ. Các yếu tố đầu vào phục vụ chính cho sản xuất tôm giống hầu hết phải nhập khẩu và bị động; thức ăn tươi sống cho tôm bố mẹ phụ thuộc vào khai thác tự nhiên, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ cảm nhiễm các tác nhân gây bệnh.

3. Nguyên nhân

- *Về khách quan*: Xuất phát điểm về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh còn thấp; nguồn lực đầu tư còn hạn chế; cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa phù hợp và đủ mạnh, nhất là cơ chế, chính sách về đất đai, tín dụng; nguồn lực và năng lực tiếp cận các quy trình, công nghệ mới, giống mới còn hạn chế.

- *Về chủ quan*: Việc đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn dàn trải, chưa trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ. Công tác chỉ đạo, lãnh đạo, tổ chức thực hiện còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, quyết tâm chưa cao; việc tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức chưa được đổi mới, thường xuyên, hiệu quả chưa cao; công tác tham gia, phối hợp triển khai các cơ chế, chính sách của các cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế, chưa đồng bộ. Việc phối hợp, liên kết, đặt hàng... của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học... liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh chưa hiệu quả, nhất là việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các giống mới và các tiến bộ của khoa học, kỹ thuật...

4. Bài học kinh nghiệm

- *Một là*, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự điều hành quyết liệt, có hiệu quả của chính quyền các cấp; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả của các sở ngành và địa phương; sự hưởng ứng, đồng hành của doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh để thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

- *Hai là*, chú trọng đẩy mạnh công tác học tập, quán triệt, thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với nhiều nội dung thiết thực, phù hợp, hiệu quả đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp, nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- *Ba là*, có cơ chế, chính sách đủ mạnh; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư và cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- *Bốn là*, triển khai thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ cao với mô hình, hình thức tổ chức sản xuất phù hợp. Tranh thủ tối đa nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương để đầu tư kết cấu hạ tầng các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chú trọng thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài; phát triển các chuỗi giá trị ngành hàng nông sản, nâng cao khả năng cạnh tranh, gia tăng giá trị các sản phẩm nông nghiệp.

- *Năm là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và thu hút, triển khai các dự án đầu tư.

Phần III

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

*** Một số dự báo:**

Về thách thức: Thời gian đến, theo dự báo tình hình trong nước và trong tỉnh có cả thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen; nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới phức tạp hơn đặt ra đối với nhiệm vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh nhất là: Những tác động tích cực của quá trình hội nhập quốc tế; các hiệp định thương mại đã ký kết sẽ phát huy tác dụng, tạo điều kiện xuất khẩu nông sản, tiếp thu khoa học công nghệ, thu hút đầu tư; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tiếp tục tác động trên nhiều phương diện, vừa là cơ hội, vừa là thách thức; thị trường tiêu thụ và hàng hóa nông sản của Việt Nam ngày càng được mở rộng, từng bước khẳng định vị thế trên thị trường xuất khẩu; sản xuất nông nghiệp giai đoạn tới có xu hướng phát triển mạnh mẽ cả chiều rộng và chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ... mang lại năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế; kế thừa những kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm và các tồn tại, hạn chế được nhận diện... Đối với lĩnh vực sản xuất tôm giống, đến năm 2030 sản lượng tôm giống của tỉnh phải đạt khoảng 50-65 tỷ con tôm giống chất lượng cao phục vụ cho nuôi tôm thương phẩm của cả nước (*theo Quyết định 3475/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến năm 2030 nhu cầu tôm giống của cả nước khoảng 250-300 tỷ con tôm post*).

Về khó khăn: Tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực và các vấn đề về toàn cầu hóa, dịch bệnh, cuộc chiến thương mại giữa các nền kinh tế lớn... tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Trong nước và trong tỉnh, tình hình thời tiết, thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh... ngày càng diễn biến phức tạp, gay gắt; nguồn lực đầu tư còn hạn chế; những tác động tiêu cực từ việc

công nghiệp hóa, hiện đại hóa; quy mô sản xuất nông nghiệp của còn nhỏ lẻ và hàm lượng khoa học, công nghệ chưa nhiều; chưa có nhiều nhà đầu tư tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trình độ, năng lực, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, chưa đồng đều, có sự chênh lệch lớn giữa các địa phương trong tỉnh; thiếu cơ chế chính sách, nguồn vốn, nhân lực, khoa học - công nghệ, quy hoạch đất đai và thị trường tiêu thụ hỗ trợ các nhà đầu tư.

Về cơ hội: Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy, thị trường tiêu thụ nông sản của Việt Nam ngày càng được mở rộng, cơ cấu sản xuất hiệu quả hơn và gắn với nhu cầu thị trường. Nhiều mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp hữu cơ... đã được triển khai đem lại giá trị hàng hóa lớn, thu nhập cao và thân thiện môi trường. Năng lực sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp cũng đã ngày càng được nâng cao. Hàng hóa nông sản của Việt Nam đã từng bước khẳng định vị thế trên thị trường toàn cầu, có mặt tại thị trường trên 185 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam đã ký kết 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA), các Hiệp định thương mại lớn mở ra thị trường rộng lớn chưa từng có, trong đó xuất khẩu nông sản hưởng lợi nhiều nhất từ các hiệp định thương mại. Đồng thời, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với nền tảng tích hợp các công nghệ, số hóa kết nối Internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo, là cơ hội cần tận dụng để đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp quy mô hàng hoá; hai là thúc đẩy tổ chức lại sản xuất theo chuỗi liên kết, Doanh nghiệp là hạt nhân liên kết, tổ chức sản xuất với hộ nông dân, trang trại, HTX để ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và quản trị chu trình sản xuất hàng hoá, truy xuất nguồn gốc, đảm bảo ATTP, gắn với hình thành thương hiệu, phát triển thị trường. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số trong nông nghiệp là xu hướng chủ đạo và tất yếu trong xu thế hội nhập, là giải pháp mạnh, hiệu quả trong cơ cấu lại nông nghiệp. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm đổi mới sáng tạo, xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ vào nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng và phát triển thương hiệu.

Về thuận lợi: Ninh Thuận là địa phương có điều kiện khí hậu khắc nghiệt nhất nước, nắng nóng quanh năm là lợi thế để Ninh Thuận phát triển theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; vị trí địa lý có nhiều thuận lợi trong giao thông kết nối tiêu thụ hàng hóa, tiếp nhận chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đào tạo phát triển nguồn nhân lực... đặc biệt, 02 tiêu dự án phát triển thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ vùng nông nghiệp ứng dụng CNC Thành Sơn-Phước Nhơn và Nhơn Hải-Thanh Hải (*Dự án ADB8*), hệ thống thủy lợi Tân Mỹ, Sông Cái, Sông Than, Kiên Kiên, các công trình liên thông các hồ chứa sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025 sẽ giải quyết được tình trạng thiếu nước tưới, giúp ngành nông nghiệp có rất nhiều thuận lợi phát triển “cát cánh”.

I. Quan điểm, mục tiêu

1. Quan điểm

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển kinh tế

số, chuyển đổi số theo hướng hiện đại, đồng bộ, xem đây là giải pháp đột phá, trọng tâm, động lực để phát triển, góp phần tăng trưởng, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, giảm nghèo cho người dân. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển thị trường và từng bước tiến đến xuất khẩu một số sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, nhất là các sản phẩm từ cây Nho.

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lấy doanh nghiệp làm trung tâm gắn với đổi mới, sáng tạo, hợp tác, liên kết, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, công nghệ số vào quản lý, quản trị và sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị, sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp.

- Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất đối với các sản phẩm nông nghiệp đặc thù, khác biệt, có lợi thế của tỉnh. Nâng cao năng lực, chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, phát huy đội ngũ các nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật, các trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phục vụ tốt nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh hiện đại, đồng bộ, năng suất, chất lượng, có giá trị kinh tế, thân thiện môi trường, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Tiếp tục xây dựng Ninh Thuận trở thành Trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước.

- Chú trọng phân vùng, nghiên cứu lựa chọn và đưa các giống mới, công nghệ, quy trình sản xuất hiện đại, hiệu quả vào sản xuất; lựa chọn các cây trồng, vật nuôi đặc thù, tiềm năng, lợi thế để tập trung thúc đẩy phát triển sản xuất theo hướng chuỗi giá trị hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh cao gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ, hướng đến xuất khẩu. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, thu hút đầu tư, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và xây dựng thương hiệu.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2021-2025:

+ Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 03-04%/năm, trong đó tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng bình quân 30-40%/năm; cơ cấu nội bộ ngành nông, lâm nghiệp chiếm 49%, thủy sản chiếm 51%. Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 150 triệu đồng/ha; giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 700 triệu đồng/ha.

+ Phân đầu đến năm 2025: (1) Có từ 3-5 vùng đáp ứng các điều kiện, tiêu chí công nhận là vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ; (2) diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao toàn tỉnh đạt trên 1.000 ha; (3) hỗ trợ, hình thành từ 2-3 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được công nhận doanh nghiệp

nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; (4) thu hút ít nhất 2 doanh nghiệp ngoài tỉnh tham gia sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc doanh nghiệp có quy mô lớn hoạt động lĩnh vực nông nghiệp làm hạt nhân; (5) có ít nhất 30 dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoạt động có hiệu quả; (6) lựa chọn, ưu tiên phát triển gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ đối với một số sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, đặc thù của tỉnh để hướng đến xuất khẩu, phấn đấu có ít nhất 01 sản phẩm được xuất khẩu, nhất là các sản phẩm từ cây Nho. Sản lượng tôm giống toàn tỉnh đạt trên 50 tỷ con; chủ động khoảng 30% tôm thẻ chân trắng bố mẹ và 40% tôm sú bố mẹ; có hơn 10% cơ sở sản xuất có quy mô sản xuất tối thiểu 0,5 tỷ con giống/năm; 100% cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và được giám sát an toàn dịch bệnh.

- Giai đoạn 2025-2030:

+ Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 04-05%/năm, trong đó tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng bình quân 20-30%/năm; cơ cấu nội bộ ngành nông lâm nghiệp chiếm 49%, thủy sản chiếm 51%. Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 175 triệu đồng/ha; giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 1 tỷ đồng/ha.

+ Phấn đấu đến năm 2030: (1) Có 8-10 vùng đáp ứng các điều kiện, tiêu chí công nhận là vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao¹⁶; (2) hình thành 01 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh; (3) diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao toàn tỉnh đạt trên 3.000 ha; (4) có từ 3-5 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được công nhận doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; (5) thu hút ít nhất 5 doanh nghiệp ngoài tỉnh tham gia nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc doanh nghiệp có quy mô lớn hoạt động lĩnh vực nông nghiệp làm hạt nhân; (6) có ít nhất 70 dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoạt động có hiệu quả¹⁷; (7) có ít nhất 03 sản phẩm nông nghiệp đặc thù của tỉnh được xuất khẩu¹⁸. Sản lượng tôm giống toàn tỉnh đạt trên 60 tỷ con; chủ động khoảng 60% tôm thẻ chân trắng bố mẹ và 80% tôm sú bố mẹ; có hơn 20% cơ sở sản xuất có quy mô công suất tối thiểu 0,5 tỷ con giống/năm; 100% cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và được giám sát an toàn dịch bệnh.

II. Nhiệm vụ trọng tâm phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2030

1. Tập trung nguồn lực và thu hút đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng các vùng NUĐCNC, khu NUĐCNC đã được quy hoạch của tỉnh

- Tích hợp quy hoạch khu và vùng NUĐCNC vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của ngành.

¹⁶ Trong đó mỗi huyện có từ 1-2 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

¹⁷ Trong đó mỗi huyện có từ 08-10 dự án.

¹⁸ Như nho, nha đam, măng tây, dưa lưới, tôm bố mẹ.

- Lựa chọn 3-5 vùng có điều kiện thuận lợi gắn với phát triển các sản phẩm đặc thù của tỉnh để lập các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thiết (*giao thông, hệ thống điện, hệ thống thủy lợi tưới tiêu nội đồng và hệ thống xử lý nước thải trong vùng theo dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt*); tổ chức, cá nhân đầu tư trong vùng NNƯDCNC được hưởng các ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với sản xuất NNƯDCNC và xây dựng cơ sở sản xuất, dịch vụ NNƯDCNC và các ưu đãi khác do tỉnh quy định.

- Huy động nguồn lực của các doanh nghiệp, của Trung ương để tiếp tục đầu tư nâng cấp vùng sản xuất giống thủy sản ƯDCNC An Hải trở thành khu NNƯDCNC đến năm 2030.

- Các vùng còn lại (*theo quy hoạch*), tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng cơ bản. Đẩy mạnh công tác kêu gọi hợp tác đầu tư bằng nhiều hình thức phù hợp, nhất là hình thức đối tác công tư.

2. Định hướng lựa chọn công nghệ, đối tượng ưu tiên cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc thù, có tiềm năng của địa phương

a) Lĩnh vực trồng trọt:

- *Đối tượng cây trồng ưu tiên:* Các cây trồng chủ lực, đặc thù của địa phương: nho, táo, tỏi, măng tây, nha đam; một số cây trồng có tiềm năng phát triển theo nhu cầu thị trường như: hành, tỏi, cà chua, dưa lưới, dưa lê, dưa leo, bí đậu, hoa, bưởi da xanh.

- *Quy trình công nghệ:* Ưu tiên công nghệ tự động hóa trong chăm sóc cây trồng (*hệ thống tưới tiết kiệm kết hợp bón phân, điều khiển môi trường bằng thiết bị tự động*); công nghệ sinh học tổng hợp; công nghệ vi sinh thế hệ mới; công nghệ canh tác không dùng đất quy mô công nghiệp (*thủy canh, khí canh, trồng trên giá thể trong nhà kính, nhà lưới...*); sử dụng chế phẩm vi sinh vật, các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thế hệ mới đạt tiêu chuẩn quốc tế...

b) Lĩnh vực chăn nuôi:

- *Đối tượng vật nuôi ưu tiên:* Các vật nuôi chủ lực, đặc thù, tiềm năng đặc thù của địa phương bò, dê, cừu, gà. Đối với đàn heo, chỉ phát triển các trại nuôi đảm bảo điều kiện theo quy định của tỉnh theo từng giai đoạn, giới hạn sản lượng heo hơi không quá 65% tổng sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm toàn tỉnh.

- *Quy trình công nghệ:* Ưu tiên các công nghệ điều khiển tự động hóa trong chăn nuôi; công nghệ sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi, tuần hoàn tái sử dụng nước; công nghệ vi sinh thế hệ mới; chế phẩm vi sinh vật đạt tiêu chuẩn quốc tế...

c) Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản:

- *Đối tượng thủy sản ưu tiên:* Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá biển.

- *Quy trình công nghệ:* Ưu tiên công nghệ điều khiển tự động hóa trong quản lý môi trường và chăm sóc vật nuôi; công nghệ sinh học tổng hợp; công

nghệ vi sinh thế hệ mới; chế phẩm vi sinh vật đạt tiêu chuẩn quốc tế,... và công nghệ nuôi vùng biển sâu.

d) Lĩnh vực chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản cho năng suất, chất lượng cao:

- *Đối tượng ưu tiên:* Tập trung nghiên cứu ứng dụng ưu thế lai để cải tiến, bổ sung, tạo ra các giống cây trồng đặc thù, chủ lực, có tiềm năng thị trường, có các đặc tính ưu việt, phù hợp điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng của tỉnh như: giống nho, giống táo, giống măng tây xanh, giống dưa lưới, giống hành-tỏi; cải tạo chất lượng giống đàn bò, dê, cừu, heo bản địa; nghiên cứu sản xuất các giống tôm bố mẹ (*tôm sú; tôm thẻ chân trắng thế hệ G3 và các thế hệ mới*), giống cá biển và một số giống loài hải đặc sản khác.

- *Quy trình công nghệ:* Ưu tiên công nghệ sinh học tổng hợp; công nghệ sinh học phân tử; công nghệ vi sinh thế hệ mới; công nghệ nhân, nuôi mô tế bào chất lượng cao quy mô công nghiệp; thuốc điều hòa sinh trưởng cho cây trồng; kích dục tố thủy sản thế hệ mới đạt tiêu chuẩn quốc tế...

đ) Lĩnh vực phòng, trừ dịch bệnh cây trồng, vật nuôi và thủy sản:

- *Đối tượng ưu tiên:* Nghiên cứu các biện pháp phòng, trừ dịch bệnh trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản thuộc đối tượng ưu tiên ở các điểm a, b, c khoản 2 này.

- *Quy trình công nghệ:* Ưu tiên công nghệ sinh học tổng hợp; công nghệ sinh học phân tử; công nghệ vi sinh thế hệ mới; chế phẩm vi sinh vật đạt tiêu chuẩn quốc tế; công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới; các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thế hệ mới đạt tiêu chuẩn quốc tế...

e) Lĩnh vực chế biến, bảo quản nông lâm sản, thủy sản:

- *Đối tượng ưu tiên:* Đặc biệt ưu tiên nghiên cứu chế biến các sản phẩm xuất khẩu, đặc biệt là sản phẩm từ trái nho; chế biến, bảo quản nông lâm sản, thủy sản sản xuất trên địa bàn tỉnh thuộc các đối tượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản thuộc đối tượng ưu tiên ở các điểm a, b, c khoản 2 này.

- *Quy trình công nghệ:* Ưu tiên công nghệ thế hệ mới trong xử lý, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp; công nghệ sinh học tổng hợp; công nghệ sinh học phân tử; công nghệ vi sinh thế hệ mới; chế phẩm vi sinh vật đạt tiêu chuẩn quốc tế; công nghệ nano cao cấp, màng phủ nano; công nghệ tách chiết hoạt chất dược liệu siêu sạch...

3. Xây dựng các Trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, dịch vụ cung ứng giống, vật tư, thiết bị phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Xây dựng trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học của Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ:

Thực hiện theo Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học của Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, với

mục tiêu tiếp nhận công nghệ, thực nghiệm các biện pháp kỹ thuật, xây dựng mô hình trình diễn để chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, hữu cơ.

b) Đầu tư hiện đại hóa và nâng cao năng lực cho Trung tâm Khuyến nông tỉnh:

Đầu tư về đất đai, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị... để hiện đại hóa và nâng cao năng lực cho Trung tâm Khuyến nông tỉnh đáp ứng yêu cầu tiếp nhận công nghệ, xây dựng các mô hình trình diễn, tập huấn chuyển giao các tiến bộ về khoa học công nghệ, ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; tham gia các khâu dịch vụ cung ứng vật tư, thiết bị để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

c) Đầu tư hiện đại hóa và nâng cao năng lực cho Trung tâm Dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản:

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị... để hiện đại hóa và nâng cao năng lực cho Trung tâm Dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để nghiên cứu lai tạo các giống mới theo các công nghệ hiện đại, có năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tham gia các khâu dịch vụ cung ứng giống, vật tư để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

d) Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, dịch vụ cung ứng giống, vật tư, thiết bị phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Tạo mọi điều kiện thuận lợi về đất đai, chính sách hỗ trợ... để thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, dịch vụ cung ứng giống, vật tư, thiết bị phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đồng thời phát triển các ngành nghề chế tạo các vật dụng, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao... trong sản xuất nông nghiệp, gắn với nâng cao năng lực sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp. Hỗ trợ và Phát triển các doanh nghiệp NNƯDCNC của tỉnh; tăng cường hỗ trợ, thu hút, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực NNƯDCNC

- Phối hợp với các Trường Đại học, Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao nhân rộng các mô hình, quy trình kỹ thuật, công nghệ sản xuất NNƯDCNC.

- Kêu gọi và hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư để thu hút các doanh nghiệp NNƯDCNC trong và ngoài tỉnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới; giống mới, giống đặc thù; trồng rau, măng tây xanh, dưa lưới trong nhà kính; chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp; nuôi thủy sản công nghiệp ứng dụng công

nghe cao, công nghệ tiên tiến; ứng dụng công nghệ cao chế biến sản phẩm nông nghiệp.

- Tiếp tục hỗ trợ ươm tạo cho 3-5 doanh nghiệp thuộc lĩnh vực NNƯDCNC có tiềm năng tại tỉnh có điều kiện tương đối phù hợp, tập trung các nội dung hỗ trợ toàn diện về khoa học và công nghệ để phát triển ổn định tại địa phương, hỗ trợ đăng ký và công nhận doanh nghiệp NNƯDCNC của tỉnh.

5. Tập trung phát triển mạnh lĩnh vực chế biến nông sản; nghiên cứu, xúc tiến, mở rộng thị trường; liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; Nghiên cứu, định hình một số sản phẩm xuất khẩu để xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện có hiệu quả

- Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển chế biến các sản phẩm từ trái nho đủ điều kiện xuất khẩu; định hướng lựa chọn, ưu tiên 2-3 sản phẩm đặc thù, có lợi thế cạnh tranh trên thị trường để tập trung nguồn lực đầu tư phát triển sản phẩm xuất khẩu.

- Thu hút các doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình tham gia đầu tư phát triển lĩnh vực chế biến các sản phẩm nông lâm thủy sản gắn với Chương trình OCOP để tạo sản phẩm hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng; tăng cường liên kết hợp tác giữa doanh nghiệp - HTX - hộ sản xuất để đầu tư phát triển sản phẩm nông sản theo chuỗi giá trị, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ phát triển các sản phẩm nông sản có tiềm năng xuất khẩu, sản phẩm OCOP tiềm năng 5 sao để trở thành sản phẩm OCOP 5 sao cấp Quốc gia, hướng đến xuất khẩu.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và sắp xếp, bố trí lại các cơ sở sản xuất giống thủy sản phù hợp với không gian quy hoạch chung của tỉnh; đẩy mạnh công tác quan trắc, cảnh báo môi trường, xét nghiệm, chẩn đoán bệnh thủy sản

- Tăng cường quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào trong sản xuất tôm giống; kiểm soát chất lượng giống thủy sản xuất bán đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, quy định.

- Số hóa công tác quản lý giống thủy sản của địa phương, kết hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về giống thủy sản để có sự thống nhất và nâng cao hiệu quả công tác giám sát và quản lý đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

- Tập trung lồng ghép, huy động các nguồn lực (*ưu tiên xã hội hóa*) thực hiện quy hoạch và đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng khu sản xuất tôm giống bố mẹ công nghệ cao Sơn Hải; khu sản xuất giống thủy sản công nghệ cao An Hải đảm bảo có đủ quỹ đất để tái định canh cho các cơ sở sản xuất giống thủy sản nằm ngoài quy hoạch như Mỹ Hòa, Khánh Hội, Khánh Tường, Cà Ná,... Đối với vùng sản xuất giống thủy sản Nhơn Hải, thực hiện quy hoạch lại theo hướng chỉnh trang theo các tiêu vùng sản xuất, khuyến khích các cơ sở nhỏ trong cùng tiểu vùng liên kết, hợp tác với nhau đầu tư xây dựng một số công trình kết cấu hạ tầng nội vùng để tạo động lực phát triển, đủ điều kiện để tiếp nhận và ứng dụng

công nghệ cao và đảm bảo an toàn sinh học trong sản xuất.

7. Nghiên cứu phát triển mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp năng lượng tái tạo phù hợp để phát huy hiệu quả sử dụng đất, kết hợp mô hình du lịch sinh thái cộng đồng

Phối hợp với các Viện, Trường Đại học chuyên ngành, các doanh nghiệp nghiên cứu thiết kế, đầu tư mô hình sản xuất điện năng lượng gió, mặt trời kết hợp trồng rau, cây ăn quả, cây dược liệu, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hữu cơ gắn với du lịch sinh thái cộng đồng; phát triển các sản phẩm nông sản đặc sản ứng dụng công nghệ cao phục vụ cho hoạt động du lịch.

8. Đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thực hiện các dự án NNƯDCNC

- Tập trung nghiên cứu, rà soát hoàn thiện các bộ thủ tục hành chính về đất đai (*thuê đất, tập trung, tích tụ đất,...*), đầu tư, công nhận doanh nghiệp NNƯDCNC,... theo hướng đơn giản và đúng quy định pháp luật; xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ, bồi dưỡng đạo đức công vụ thường xuyên cho đội ngũ cán bộ, công chức thực thi các bộ thủ tục hành chính đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế tham gia đầu tư dự án NNƯDCNC.

- Công bố rộng rãi dự án đầu tư vùng NNƯDCNC, dự án đầu ứng dụng công nghệ cao sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc thù ưu tiên, khuyến khích đầu tư của tỉnh để kêu gọi các chủ thể kinh tế tham gia đầu tư.

9. Các dự án ưu tiên huy động nguồn lực đầu tư giai đoạn 2021-2030

- Dự án đầu tư hạ tầng mở rộng vùng sản xuất giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao An Hải.

- Dự án đầu tư hạ tầng vùng sản xuất giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao Nhơn Hải.

- Dự án mở rộng vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao An Hải.

- Dự án đầu tư hạ tầng (*giao thông thủy lợi*) vùng NNƯDCNC Phước Trung từ nguồn tài trợ vốn vay của Ngân hàng ADB.

- Dự án đầu tư hạ tầng vùng sản xuất nho ƯDCNC Vĩnh Hải.

- Dự án đầu tư hạ tầng vùng NNƯDCNC Phước Tiến.

- Dự án phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

III. Chính sách hỗ trợ thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2030

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) *Phạm vi điều chỉnh*: Quy định này quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) *Đối tượng áp dụng*: Các chủ thể kinh tế (*doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân*) tham gia đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Chính sách này hỗ trợ các chủ thể kinh tế sau khi đã đầu tư hoàn thành dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đưa dự án vào hoạt động và đảm bảo các điều kiện của từng nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 3 mục III này. Mỗi chủ thể kinh tế được thụ hưởng cùng lúc nhiều nội dung hỗ trợ nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại các nội dung tương ứng.

Ngoài chính sách hỗ trợ tại Quy định này, các đối tượng còn được hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định hiện hành. Trường hợp các chính sách có cùng nội dung hỗ trợ, chỉ được chọn thụ hưởng chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

b) Hỗ trợ theo kế hoạch hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh; dựa trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật, các quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chứng từ chi thực tế được các cơ quan chức năng thẩm định.

c) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng đối tượng, mục đích, đảm bảo hiệu quả theo đúng quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) *Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*:

- Đối tượng được hỗ trợ: Các chủ thể kinh tế nêu tại điểm b khoản 1 mục III phần thứ ba của Đề án này.

- Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp có kết quả nghiên cứu khoa học hoặc bản quyền công nghệ hoặc công nghệ (*mua hoặc tự nghiên cứu*) đã được áp dụng vào sản xuất tại doanh nghiệp để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng để phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được Hội đồng khoa học của tỉnh thẩm định.

- Mức hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện, nhưng không quá 0,3 tỷ đồng/đề tài/bản quyền/công nghệ.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ, gồm:

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ (*theo Phụ lục kèm theo Đề án này*).

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

+ Biên bản thẩm định của Hội đồng khoa học của tỉnh hoặc văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ khẳng định hiệu quả đề tài khoa học hoặc công nghệ đó tạo ra sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị và hiệu quả kinh tế, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường vượt trội so với sản xuất theo phương

pháp truyền thống;

+ Bản sao chứng từ hoặc thanh lý hợp đồng hoặc giấy tờ hợp lý khác để chứng minh tổng chi phí thực tế nghiên cứu hoặc chuyển giao công nghệ.

b) Hỗ trợ sản xuất giống mới và khảo nghiệm cây trồng mới có giá trị kinh tế cao:

- Đối tượng được hỗ trợ: Các chủ thể kinh tế nêu tại điểm b khoản 1 mục III phần thứ ba của Đề án này.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Đối với giống mới (*cây trồng, vật nuôi, thủy sản*): Có văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao để sản xuất giống và có Quyết định công nhận lưu hành giống (*cây trồng, vật nuôi, thủy sản*) của cơ quan thẩm quyền cấp.

+ Đối với cây trồng mới: Được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản thống nhất kế hoạch khảo nghiệm cây trồng mới bằng công nghệ cao và văn bản công nhận kết quả khảo nghiệm (*tính thích nghi, tính hiệu quả và thống nhất đưa vào sản xuất*).

- Mức hỗ trợ: Đối với giống mới được hỗ trợ 70% chi phí đầu tư dự án, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án. Đối với cây trồng mới hỗ trợ 100% tiền mua giống lần đầu và 30% chi phí khảo nghiệm, nhưng không quá 0,3 tỷ đồng/dự án.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ, gồm:

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ (*theo Phụ lục kèm theo Đề án này*).

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sao Quyết định công nhận lưu hành giống của cơ quan thẩm quyền (*đối với giống mới*) hoặc văn bản thống nhất kế hoạch khảo nghiệm và văn bản công nhận kết quả khảo nghiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*đối với cây trồng mới*).

+ Bản sao các chứng từ chi hoặc quyết toán đầu tư hoặc thanh lý hợp đồng hoặc giấy tờ hợp lý khác để chứng minh chi phí thực tế đầu tư dự án và mua cây giống lần đầu.

c) Hỗ trợ đầu tư dự án sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực của tỉnh (đã được phép lưu hành) ứng dụng công nghệ cao:

- Đối tượng được hỗ trợ: Các chủ thể kinh tế nêu tại điểm b khoản 1 mục III phần thứ ba của Đề án này.

- Điều kiện hỗ trợ: Được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản xác định dự án sản xuất giống (*giống nho, giống táo, giống măng tây xanh, giống dưa lưới, giống hành-tỏi; cải tạo chất lượng giống đàn bò, dê, cừu; nghiên cứu sản xuất giống tôm bố mẹ, giống cá biển và một số giống loài hải đặc sản khác*) ứng dụng một trong các công nghệ sau: công nghệ sinh học tổng hợp, công nghệ sinh học phân tử, công nghệ vi sinh thế hệ mới, công nghệ nhân nuôi mô tế

bào chất lượng cao quy mô công nghiệp, thuốc điều hòa sinh trưởng cho cây trồng, kích dục tố thủy sản thế hệ mới đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Mức hỗ trợ 30% chi phí đầu tư, nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ, gồm:

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ (*theo Phụ lục kèm theo Đề án này*).

+ Văn bản thống nhất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công nghệ áp dụng, loại vật nuôi, quy mô dự án.

+ Bản sao các chứng từ chi hoặc bản kê khai chi phí hoặc quyết toán đầu tư hoặc thanh lý hợp đồng hoặc giấy tờ hợp lý khác để chứng minh chi phí thực tế đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị sản xuất.

d) Hỗ trợ đầu tư dự án trồng trọt ứng dụng công nghệ cao:

- Đối tượng được hỗ trợ: Các chủ thể kinh tế nêu tại điểm b khoản 1 mục III phần thứ ba của Đề án này.

- Điều kiện hỗ trợ khi Dự án được Hội đồng thẩm định cấp huyện nghiệm thu xác định đảm bảo các điều kiện: Có trồng các loại cây nho, táo, hành, tỏi, măng tây, nha đam, rau, đậu các loại, dâu tây, dưa lưới, dưa lê, dưa leo, bí đậu, hoa; có Quy trình sản xuất theo công nghệ cao (*thủy canh, khí canh, trồng trên giá thể*) được trồng trong nhà kính hoặc nhà màng; có hệ thống tưới tiết kiệm kết hợp bón phân điều khiển tự động; có diện tích đầu tư tối thiểu 500 m²/dự án.

- Mức hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư, nhưng không quá 0,7 tỷ đồng/dự án.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ, gồm:

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ (*theo Phụ lục kèm theo Đề án này*).

+ Biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định cấp huyện về công nghệ áp dụng, loại cây trồng, quy mô dự án.

+ Bản sao các chứng từ hoặc bản kê khai chi phí hoặc quyết toán hoặc thanh lý hợp đồng hoặc giấy tờ hợp lý khác để chứng minh chi phí thực tế đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị.

đ) Hỗ trợ đầu tư dự án chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao:

- Đối tượng được hỗ trợ: Các chủ thể kinh tế nêu tại điểm b khoản 1 mục III phần thứ ba của Đề án này.

- Điều kiện hỗ trợ: Dự án chăn nuôi bò sữa, bò thịt cao sản, dê, cừu, gà theo quy mô công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, được Hội đồng thẩm định cấp huyện nghiệm thu xác định có đáp ứng đầy đủ các điều kiện: Có đầu tư máy chế biến thức ăn, máy trộn thức ăn, máy cho ăn tự động, máng uống nước tự động, máy bơm cao áp, hệ thống phun sương, hệ thống khí sinh học, đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi theo công nghệ sinh học, hệ thống xử lý tuần hoàn tái sử dụng nước; quy mô dự án đối với nuôi bò sữa, bò thịt tối thiểu 200 con; dê, cừu tối thiểu 600 con; gà tối thiểu 5.000 con.

- Mức hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư, nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ, gồm:

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ (*theo Phụ lục kèm theo Đề án này*).

+ Biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định cấp huyện về công nghệ áp dụng, loại vật nuôi, quy mô dự án.

+ Bản sao các chứng từ chi hoặc bản kê khai chi phí hoặc quyết toán hoặc thanh lý hợp đồng hoặc giấy tờ hợp lý khác để chứng minh chi phí đầu tư.

e) Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ cao trong chế biến và bảo quản sản phẩm nông nghiệp:

- Đối tượng được hỗ trợ: Các chủ thể kinh tế nêu tại điểm b khoản 1 mục III phần thứ ba của Đề án này.

- Điều kiện hỗ trợ: Có dự án đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông sản được Hội đồng thẩm định cấp huyện nghiệm thu xác định có ứng dụng một trong các công nghệ sau: Công nghệ thế hệ mới trong xử lý, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp hoặc công nghệ sấy thăng hoa, công nghệ nano, màng phủ nano hoặc công nghệ tách chiết hoạt chất dược liệu siêu sạch.

- Mức hỗ trợ 30% kinh phí để đầu tư trang thiết bị, công nghệ nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ, gồm:

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ (*theo Phụ lục kèm theo Đề án này*).

+ Bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định cấp huyện về công nghệ áp dụng, quy mô dự án.

+ Bản sao các chứng từ hoặc bản kê khai chi phí hoặc quyết toán hoặc thanh lý hợp đồng hoặc giấy tờ hợp lý khác chứng minh chi phí thực tế đầu tư xây dựng, thiết bị.

4. Quy trình cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí

a) Quy trình cấp phát:

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, tổng hợp kế hoạch nhu cầu hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao của năm kế hoạch (*năm sau*) trên địa bàn huyện gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30/8 hàng năm.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các địa phương tổng hợp, xây dựng kế hoạch, dự toán nguồn kinh phí gửi Sở Tài chính trước ngày 15/9 hàng năm để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm để phê duyệt về tổng nguồn ngân sách cân đối cho hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

- Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua về tổng nguồn kinh phí hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao của năm kế hoạch, Sở Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn phối hợp cùng Sở Tài chính, các địa phương xây dựng kế hoạch hỗ trợ chi tiết đến các huyện về số lượng, danh mục, kinh phí và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành Kế hoạch. Căn cứ kinh phí hỗ trợ tại Kế hoạch này, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ, nghiệm thu khối lượng (*do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ tịch Hội đồng, Phòng Nông nghiệp/phòng Kinh tế làm thường trực Hội đồng, thành viên là phòng Tài chính-Kế hoạch và các phòng ban cấp huyện có liên quan, có thể mời các sở, ngành trên địa bàn tỉnh hoặc các tổ chức tư vấn độc lập làm chuyên gia nghiệm thu đối với những công nghệ mới, chuyên sâu*) để tham mưu thực hiện việc hỗ trợ cho các chủ thể kinh tế đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ (*theo khoản 3 mục này*) trên địa bàn huyện/thành phố; báo cáo kết quả hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

b) Thực hiện thủ tục thanh, quyết toán:

- Các chủ thể kinh tế căn cứ nội dung từng chính sách hỗ trợ, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định và nộp về Phòng Nông nghiệp/phòng Kinh tế.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Nông nghiệp/Phòng Kinh tế tham mưu Hội đồng thẩm định cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ hỗ trợ, xác nhận khối lượng thực hiện. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, phải thông báo và nêu rõ lý do cho các chủ thể đề nghị hỗ trợ phải hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Đối với các hồ sơ đủ điều kiện, trong thời hạn 10 ngày làm việc Phòng Nông nghiệp/Phòng Kinh tế phối hợp với Phòng Tài chính-Kế hoạch tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định hỗ trợ.

- Căn cứ quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện, Kho bạc Nhà nước huyện/thành phố chi tiền hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hưởng chính sách theo đúng các quy định của pháp luật.

c) Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các Sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai thực hiện Đề án.

IV. Khái toán kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2030: Dự kiến 1.226 tỷ đồng, gồm:

1. Đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị: 1.145 tỷ đồng

| Số TT | Nội dung thực hiện | Kinh phí (tỷ đồng) | Nguồn kinh phí |
|-------|---|--------------------|-----------------|
| 1 | Đầu tư hạ tầng các vùng NNƯDCNC | 1.050 | Vốn hỗ trợ của |
| | - Vùng sản xuất giống thủy sản UDCNC An Hải | 200 | Trung ương; vốn |
| | - Vùng sản xuất giống thủy sản UDCNC Nhơn Hải | 150 | Doanh nghiệp; |
| | | 100 | vốn vay từ Ngân |

| Số TT | Nội dung thực hiện | Kinh phí (tỷ đồng) | Nguồn kinh phí |
|------------------|---|----------------------|--|
| | - Vùng sản xuất rau UDCNC An Hải; - Vùng NNUDCNC Phước Trung - Vùng sản xuất nho UDCNC Vĩnh Hải; - Vùng NNUDCNC Phước Tiến; | 400 100 100 | hàng ADB |
| 2 | Xây dựng các Trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, dịch vụ cung ứng giống, vật tư, thiết bị phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Xây dựng trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học của Trung tâm Thông tin-Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. - Đầu tư hiện đại hóa và nâng cao năng lực cho Trung tâm Khuyến nông tỉnh. - Đầu tư hiện đại hóa và nâng cao năng lực cho Trung tâm Dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản. | 95 35 30 30 | Vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025, các chương trình, dự án liên quan và ngân sách tỉnh bố trí theo từng nội dung, hạng mục đầu tư, mua sắm |
| Tổng cộng | | 1.145 | |

2. Chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư:

- Kinh phí hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh, bình quân 9 tỷ đồng/năm và giai đoạn 2022-2030 (9 năm) là 81 tỷ đồng.

- Kinh phí quản lý, chỉ đạo, nghiệm thu, kiểm tra: Các sở, ngành và các huyện, thành phố tự cân đối từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được giao hàng năm.

| Số TT | Nội dung thực hiện | Dự kiến hỗ trợ 2022-2030 (tỷ đồng) | | |
|-------|---|------------------------------------|----------------------|----------------|
| | | Số DA hỗ trợ | Mức hỗ trợ tối đa/DA | Số tiền hỗ trợ |
| (0) | (1) | (2) | (3) | (4=3*2) |
| 1 | Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. | 6 | 0,3 | 1,8 |
| 2 | Hỗ trợ sản xuất giống mới và cây trồng mới có giá trị kinh tế cao | | | |
| | - Sản xuất giống mới (thời gian ít nhất 3 năm/DA) | 3 | 2,0 | 6,0 |
| | - Cây trồng mới (thời gian ít nhất 2-3 năm/DA) | 3 | 0,3 | 0,9 |
| 3 | Hỗ trợ đầu tư dự án sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực của tỉnh ứng dụng công nghệ cao. | 18 | 1,0 | 18,0 |
| 4 | Hỗ trợ đầu tư dự án trồng trọt ứng dụng công nghệ cao. | 45 | 0,7 | 31,5 |

| | | | | |
|------------------|--|-----------|-----|-------------|
| 5 | Hỗ trợ đầu tư dự án chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao. | 18 | 1,0 | 18,0 |
| 6 | Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ cao trong chế biến và bảo quản sản phẩm nông nghiệp | 6 | 1,0 | 6,0 |
| Tổng cộng | | 99 | | 81,0 |

Phần IV

GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Giải pháp thực hiện

1. Giải pháp tuyên truyền, vận động

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền; đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc đẩy mạnh phát triển NNƯDCNC vào sản xuất nông nghiệp. Chú trọng công tác nghiên cứu xây dựng các kế hoạch, chương trình thực hiện nhiệm vụ phát triển NNƯDCNC đảm bảo phù hợp, khả thi, sát với thực tiễn; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, tôn vinh, biểu dương khen thưởng các tập thể, các nhân có những mô hình tiêu biểu. Làm tốt công tác vận động thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp, nông dân đầu tư, tham gia các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, tuân thủ các quy hoạch, quy trình, quy chuẩn kỹ thuật về sản xuất NNƯDCNC. Mở rộng mạng lưới thông tin, dịch vụ hỗ trợ hoạt động ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, tăng cường thông tin tuyên truyền các thành tựu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, các mô hình ứng dụng có hiệu quả để Nhân dân tham khảo học tập và vận dụng.

2. Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ, phần mềm quản lý, cập nhật, lưu trữ dữ liệu, số liệu

Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ, phần mềm quản lý nông nghiệp thông minh; nông nghiệp số, cập nhật, lưu trữ dữ liệu, số liệu từ tỉnh đến huyện, xã phục vụ công tác theo dõi, tổng hợp, đánh giá và chỉ đạo sản xuất.

3. Tranh thủ tối đa nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương gắn với lồng ghép sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác để ưu tiên tập trung đầu tư các vùng, khu NNƯDCNC bảo đảm đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải

- Tranh thủ tối đa nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương để đầu tư kết cấu hạ tầng các khu và vùng NNƯDCNC; các dự án NNƯDCNC vào các vùng quy hoạch của tỉnh. Ưu tiên đầu tư công hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện môi trường vào sản xuất nông nghiệp.

- Tiếp tục đổi mới phương thức huy động và phân bổ, sử dụng nguồn vốn có

hiệu quả, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để huy động nguồn vốn. Chú trọng thu hút đầu tư tư nhân cho đầu tư phát triển các khu và vùng NNƯDCNC, trong đó tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng vào khu và vùng NNƯDCNC được hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với đất sản xuất NNƯDCNC và xây dựng các cơ sở dịch vụ phục vụ phát triển NNƯDCNC. Phát triển các hình thức liên kết công tư để nâng cao hiệu quả đầu tư công, đồng thời thu hút đầu tư tư nhân trong phát triển hạ tầng, khoa học công nghệ, phát triển chuỗi giá trị ngành hàng nông sản chủ lực, đặc thù của tỉnh.

- Thu hút, khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển các khu và vùng NNƯDCNC, phát triển các chuỗi giá trị ngành hàng nông sản nâng cao khả năng cạnh tranh, gia tăng giá trị.

4. Thực hiện hiệu quả Chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Trong quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các địa phương phải theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả. Kịp thời, rà soát đề xuất (*thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) sửa đổi, bổ sung chính sách cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của tỉnh ở từng thời kỳ.

5. Tăng cường liên kết hợp tác và xúc tiến đầu tư

- Tích cực tham gia hoạt động của Câu lạc bộ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Chủ động mở rộng hợp tác với các địa phương, Viện, Trường, Trung tâm công nghệ cao trong công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động vùng nông nghiệp.

- Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các nhà đầu tư tìm hiểu cơ chế, chính sách, thủ tục, tiềm năng thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; tổ chức hội thảo xúc tiến, kêu gọi doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp. Phân đầu kêu gọi, xúc tiến hợp tác nhiều nhà đầu tư chiến lược tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng; nghiên cứu, ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn và sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

6. Xây dựng các Trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, dịch vụ cung ứng giống, vật tư, thiết bị phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm nông, lâm, thủy sản gắn với Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) theo chuỗi giá trị

- Xây dựng trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học của Trung tâm Thông tin- Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ với mục tiêu tiếp nhận công nghệ, thực nghiệm các biện pháp kỹ thuật, xây dựng mô hình trình diễn để chuyển giao tiên bộ khoa học công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, hữu cơ.

- Đầu tư hiện đại hóa và nâng cao năng lực cho Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản đáp ứng yêu cầu tiếp nhận

công nghệ, nghiên cứu lai tạo các giống mới theo các công nghệ hiện đại, có năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; xây dựng các mô hình trình diễn, tập huấn đào tạo các tiến bộ về khoa học công nghệ, ứng dụng chuyên gia công nghệ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; tham gia các khâu dịch vụ cung ứng giống, vật tư, thiết bị để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Xây dựng các mô hình trình diễn và chuyên gia ứng dụng công nghệ cao vào phát triển sản xuất nông nghiệp đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, nhân rộng kết quả các chương trình khuyến nông, các mô hình nông nghiệp công nghệ cao.

- Khuyến khích và đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động khuyến nông; huy động tối đa các nguồn lực trong xã hội phục vụ cho công tác chuyên gia tiến bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp đến nông dân; tăng cường mối quan hệ phối hợp với các tổ chức, đoàn thể và các ngành có liên quan nhằm đẩy mạnh quá trình xã hội hóa công tác khuyến nông. Đặc biệt thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp gắn với công tác khuyến nông.

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm nông, lâm, thủy sản để nâng cao giá trị gia tăng, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản. Phát triển các dịch vụ cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ phát triển sản xuất NNƯDCNC, đồng thời phát triển các ngành nghề chế tạo các vật dụng, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp với du lịch trải nghiệm thông qua các mô hình nông nghiệp đặc thù độc đáo, có lợi thế cạnh tranh cao như mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao kết hợp với sản xuất và sử dụng năng lượng tái tạo.

7. Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển NNƯDCNC

- Thu hút nguồn nhân lực ngành nông nghiệp, bố trí kinh phí thỏa đáng từ nguồn ngân sách của tỉnh cho công tác đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp ở các lĩnh vực then chốt như: Công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ thông tin và khoa học quản lý;

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp để hình thành các doanh nghiệp NNƯDCNC tại địa phương; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ các dự án NNƯDCNC; hợp đồng, hợp tác với các chuyên gia, các nhà khoa học và chuyên gia quản lý có trình độ cao am hiểu điều kiện phát triển nông nghiệp của tỉnh Ninh Thuận, có khả năng đưa ra các giải pháp công nghệ nhằm ứng dụng công nghệ cao vào phát triển nông nghiệp.

- Bên cạnh việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, cần tổ chức các hình thức tập huấn, chuyên gia và hướng dẫn công nghệ nhằm giúp người sản xuất am hiểu và áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp.

- Có cơ chế đãi ngộ đặc biệt để thu hút, sử dụng nhân lực công nghệ cao trong nông nghiệp, bao gồm: Tạo môi trường làm việc, sống thuận lợi cho hoạt động công nghệ cao; Chế độ tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm; bổ nhiệm vào vị trí then chốt để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà nước; ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập cá nhân; tạo điều kiện tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về công nghệ cao; tôn vinh, khen thưởng người có thành tích xuất sắc.

8. Cải cách thủ tục hành chính

Đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường đối thoại doanh nghiệp; luôn đồng hành, hỗ trợ, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tham gia hoạt động có hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

II. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức công bố rộng rãi dự án đầu tư vùng NNƯDCNC, dự án sản xuất sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc thù ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hữu cơ của tỉnh để kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị chuyên đề về kêu gọi, đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh.

- Tập trung nhân lực để hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương, các chủ thể kinh tế xây dựng, mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác trong tổ chức sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Rà soát, lựa chọn các vùng sản xuất tập trung còn khó khăn trong việc tiếp cận các mô hình sản xuất NNƯDCNC để tập trung đẩy mạnh công tác khuyến nông, xây dựng các mô hình sản xuất NNƯDCNC trình diễn để nhân rộng.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, địa phương tham mưu thực hiện các nội dung thỏa thuận ký kết giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận với Học Viện nông nghiệp Việt Nam, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Chủ trì phối hợp với các địa phương và Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư NNƯDCNC; tổ chức nghiệm thu và có ý kiến về các dự án NNƯDCNC đề nghị hỗ trợ.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan, tham mưu bố trí vốn đầu tư công để hỗ trợ thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về Đầu tư công và tham mưu lồng ghép các nguồn vốn đầu tư

kết cấu hạ tầng các khu, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các Trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, dịch vụ cung ứng giống, vật tư, thiết bị phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành giải quyết các đề nghị của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về việc cấp phép đầu tư phát triển NNƯDCNC.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng khoa học tỉnh xem xét ưu tiên các định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển ƯDCNC; thẩm định công nghệ của các doanh nghiệp trước khi đưa vào áp dụng tại địa phương.

- Hỗ trợ các địa phương trong việc thẩm định hồ sơ dự án dự án nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, dự án đầu tư NNƯDCNC sau đầu tư để thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư NNƯDCNC.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp hàng năm để thực hiện Chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư NNƯDCNC.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp để triển khai Chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư NNƯDCNC của các huyện, thành phố.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành liên quan để cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất các dự án phát triển NNƯDCNC, làm cơ sở thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định; hướng dẫn, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án xây dựng vùng NNƯDCNC và các thủ tục liên quan đến đất đai.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế tập trung, tích tụ ruộng đất, cho thuê ruộng đất ổn định, lâu dài để tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển NNƯDCNC.

6. Sở Công Thương

- Chủ trì phối hợp với các ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển chế biến các sản phẩm từ trái nho đủ điều kiện xuất khẩu; nghiên cứu lựa chọn, ưu tiên 2-3 sản phẩm đặc thù, có lợi thế cạnh tranh trên thị trường để tập trung nguồn lực đầu tư phát triển sản phẩm xuất khẩu.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung-cầu trong và ngoài tỉnh để giới thiệu, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao của địa phương.

7. Sở Nội vụ

Phối hợp với các ngành, địa phương tập trung đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư vào NNƯDCNC. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức thực thi các bộ thủ tục hành chính của các ngành, địa phương đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ban, ngành có liên quan tham mưu kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực về lĩnh vực công nghệ cao trong nông nghiệp.

9. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Thuận

Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về phát triển NNƯDCNC để các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân biết, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành liên quan trong việc triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn; xúc tiến kêu gọi và tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút nhà đầu tư thực hiện các dự án NNƯDCNC tại địa phương và thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn quản lý.

- Định kỳ trước ngày 15/11 hàng năm, báo cáo kết quả triển khai thực hiện trong năm và đề xuất kế hoạch năm tiếp theo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

(Kèm theo các Phụ lục giải thích từ ngữ và mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ)

Phụ lục I

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Các từ viết tắt trong Đề án: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được viết là NNUĐCNC; Khoa học và công nghệ được viết là KH&CN; Khoa học kỹ thuật được viết là KHKT; Bảo vệ thực vật được viết là BVTV; Hợp tác xã được viết là HTX.

2. Công nghệ cao (*Theo Luật Công nghệ cao*): Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.

3. Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Là khu công nghệ cao (CNC) tập trung thực hiện hoạt động ứng dụng thành tựu nghiên cứu và phát triển CNC vào lĩnh vực nông nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: Chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao; phòng, trừ dịch bệnh; trồng trọt, chăn nuôi đạt hiệu quả cao; tạo ra các loại vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng trong nông nghiệp; bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; phát triển doanh nghiệp NNUĐCNC và phát triển dịch vụ CNC phục vụ nông nghiệp.

Khu NNUĐCNC có 5 chức năng cơ bản là: (1) Thực hiện các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn; (2) Liên kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao; (3) Đào tạo nhân lực công nghệ cao; (4) Tổ chức hội chợ, triển lãm, trình diễn sản phẩm; (5) Thu hút nguồn đầu tư, nhân lực công nghệ cao.

4. Vùng NNUĐCNC

Theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để sản xuất một hoặc một số sản phẩm nông sản hàng hóa có lợi thế của vùng bảo đảm đạt năng suất, chất lượng cao, giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường theo quy định của pháp luật. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí sau:

(1) Tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị; có tổ chức đầu mối của vùng là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong vùng ký hợp đồng thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp của vùng.

(2) Sản phẩm sản xuất trong vùng là sản phẩm hàng hóa có lợi thế của vùng, tập trung vào các nhóm sản phẩm sau:

- Giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao và

khả năng chống chịu vượt trội.

- Sản phẩm nông lâm thủy sản có giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế cao; chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc quốc gia (Viet GAP).

(3) Công nghệ ứng dụng là các công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học trong chọn tạo, nhân giống và phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi; công nghệ thâm canh, siêu thâm canh, chế biến sâu nâng cao giá trị gia tăng; công nghệ tự động hóa, bán tự động; công nghệ thông tin, viễn thám, thân thiện môi trường. Công nghệ ứng dụng trên quy mô công nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất, gia tăng giá trị của sản phẩm và tăng năng suất lao động.

(4) Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là vùng chuyên canh, diện tích liền vùng, liền thửa trong địa giới hành chính một tỉnh, có điều kiện tự nhiên thích hợp, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương đối hoàn chỉnh về giao thông, thủy lợi, điện, thuận lợi cho sản xuất hàng hóa, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp của ngành và địa phương.

(5) Đối tượng sản xuất và quy mô của vùng:

- Sản xuất hoa diện tích tối thiểu là 50 ha.
- Sản xuất rau an toàn diện tích tối thiểu là 100 ha.
- Sản xuất giống lúa diện tích tối thiểu là 100 ha.
- Nhân giống và sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu diện tích tối thiểu 5 ha.
- Cây ăn quả lâu năm diện tích tối thiểu là 300 ha.
- Cây công nghiệp lâu năm (*chè, cà phê, hồ tiêu*) diện tích tối thiểu là 300 ha.
- Thủy sản: Sản xuất giống diện tích tối thiểu là 20 ha; nuôi thương phẩm diện tích tối thiểu là 200 ha.
- Chăn nuôi bò sữa số lượng tối thiểu là 10.000 con/năm; bò thịt tối thiểu 20.000 con/năm.
- Chăn nuôi lợn thịt số lượng tối thiểu là 40.000 con/năm; lợn giống (*lợn nái*) tối thiểu 2.000 con/năm.
- Chăn nuôi gia cầm số lượng tối thiểu là 50.000 con/lứa.

5. Doanh nghiệp NNƯDCNC (theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp NNƯDCNC): Doanh nghiệp NNƯDCNC là doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị gia tăng cao; đáp ứng đầy đủ các Điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Công nghệ cao, cụ thể:

- Ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh Mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển quy định tại Điều 5 của Luật Công nghệ cao để sản xuất sản phẩm nông nghiệp.

- Tạo ra sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị và hiệu quả

cao, doanh thu từ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp đạt ít nhất 60% trong tổng số doanh thu thuần hàng năm.

- Có hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp, tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm đạt ít nhất 0,5%; số lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp đạt ít nhất 2,5%.

- Áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế.

6. Dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp (theo Quyết định số 34/2019/QĐ-TTg ngày 18/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển):

Dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

- Công nghệ ứng dụng trong dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển quy định tại Điều 4 Quyết định này và Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg và Quyết định số 13/2017/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Sản phẩm được tạo ra của dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp phù hợp tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng sản phẩm.

- Được cấp chứng nhận hoặc cam kết công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng cho dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp theo một trong các tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, GAP, GMP hoặc tiêu chuẩn quốc tế tương đương về hệ thống quản lý chất lượng.

- Dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp phải đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ DỰ ÁN ĐẦU TƯ NÔNG NGHIỆP
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.....

1. Họ tên người sản xuất:..... Sinh năm.....
 2. CMND/CCCD số:, ngày cấp:../.../..... do CA..... cấp
Địa chỉ thường trú:.....
Điện thoại liên hệ:
 3. Thông tin dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:
 - Tên dự án:
 - Địa chỉ dự án:
Thôn: xã, phường, thị trấn.....
Thuộc huyện/Tp:.....
 - Quy mô dự án: Có diện tích (*ha hoặc m²*):; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (*nếu có*): Hoặc Hợp đồng thuê đất (*nêu rõ với ai, đơn vị nào, ở đâu*):.....
 - Đối tượng (*loại giống, loại cây trồng, loại vật nuôi*):.....
 - Áp dụng công nghệ:
 - Tổng mức đầu tư:
- Nay, tôi làm văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/Tp:
- xem xét cho Tôi được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định.

(Kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định)

Xác nhận của UBND
xã/phường/thị trấn
(Ký tên, đóng dấu)

Người sản xuất
(Ký tên)

Phụ lục III
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA TỔ CHỨC

Tên tổ chức

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

....., ngày tháng..... năm

Về việc đề nghị hỗ trợ dự án
đầu tư nông nghiệp ứng dụng
công nghệ cao.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố

1. Tên tổ chức:.....

(Kèm theo Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận
đầu tư hoặc Quyết định thành lập tổ hợp tác)

Địa chỉ liên hệ:.....

Số điện thoại:

2. Thông tin dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

- Tên dự án:

- Địa chỉ dự án:

Thôn: xã, phường, thị trấn.....

Thuộc huyện/Tp:.....

- Quy mô dự án: Có diện tích (ha hoặc m²):; Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất số (nếu có): Hoặc Hợp đồng thuê đất
(nêu rõ với ai, đơn vị nào, ở đâu):.....

- Đối tượng (loại giống, loại cây trồng, loại vật nuôi):.....

- Áp dụng công nghệ:

- Tổng mức đầu tư:

Nay,(tên tổ chức)..... làm văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân
huyện/Tp: xem xét hỗ trợ theo quy định.

(Kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định)

Xác nhận của UBND
xã/phường/thị trấn
(Ký tên, đóng dấu)

Người đứng đầu tổ chức
(Chức danh; ký tên)